ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 879/QĐ-ĐHNL-ĐT	*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo năm học 2018 – 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 350/QĐ-ĐHTN ngày 26/4/2012; Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014; Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/4/2013; Quy định đào tạo hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-ĐHTN ngày 19/05/2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHTN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc, ban hành kèm theo Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-ĐT ngày 21/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông lâm;

Căn cứ Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo Trường Đại học Nông lâm ban hành kèm theo Quyết định số 397/QĐ-ĐHNL ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông lâm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019.

(Có bản Kế hoạch đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao cho phòng Đào tạo chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực trong năm học 2018-2019.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, sinh viên đại học hệ chính quy, học viên cao học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Đại học TN (B/cáo); - Ban Giám hiệu (B/cáo); - Như điều 3 (T/hiện); - Lưu: VT, ĐT.	**HIỆU TRƯỞNG** BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN HIỆU TRƯỞNG PGS.TS. Trần Văn Điền

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
---------***-------

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
NĂM HỌC 2018-2019

THÁI NGUYÊN - THÁNG 6/2018

CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM HỌC

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13;

- Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các đại học thành viên;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;

- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ;

- Quyết định số 1397/QĐ-ĐHTN ngày 26/8/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Quy định về công tác quản lý đào tạo sau đại học;

- Quyết định số 350/QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ;

- Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ;

- Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Nông lâm khóa XIV nhiệm kỳ 2015-2020;

- Quyết định số 560/QĐ-ĐHNL ngày 23/4/2015 của Hiệu trưởng Quy định về công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nông Lâm;

- Quyết định số 756/QĐ-ĐT ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông lâm;

- Quyết định số 303/QĐ-ĐT ngày 10/03/2015 của Hiệu trưởng Quy định về quản lý và tổ chức thi kết thúc học phần, kiểm tra giữa kỳ, xét kết quả học tập, xếp hạng học lực và năm học tại trường ĐH Nông lâm;

- Quyết định số 397/QĐ-ĐHNL ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Hiệu trưởng Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo Trường Đại học Nông lâm.

- Căn cứ Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/06/2001 về việc ban hành Qui định để đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ 2;

- Căn cứ Thông tư số 06/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 03 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

- Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 03 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về liên kết đào tạo trình độ đại học;

- Căn cứ Nghị định số 18/NĐ-TTg ngày 31 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Qui định liên thông giữa trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học;

- Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-ĐHTN ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành qui định về liên kết đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học của Đại học Thái Nguyên;

- Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-ĐHTN ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành qui định đào tạo hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên;

- Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-ĐHTN ngày 10 tháng 08 năm 2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Ban hành Qui định liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên;

2. Nhiệm vụ năm học 2018-2019

2.1. Tập trung mọi nguồn lực phục vụ công tác tuyển sinh (đại học, sau đại học) theo từng ngành và năng lực đào tạo.

2.2. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tiếp tục rà soát xây dựng chương trình đào tạo tất cả các ngành.

- Tập trung công tác đào tạo giảng viên; Xây dựng thư viện điện tử

- Tập trung công tác rèn nghề, thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp của sinh viên.

- Đẩy mạnh công tác đưa sinh viên đi thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp tại nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng thực tập tốt nghiệp của sinh viên và học viên cao học.

2.3. Xây dựng một số mô hình thực hành thực tập công nghệ cao;

2.4. Tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp;

2.5. Xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt (liên thông ngang giữa các CTĐT). Đẩy mạnh công tác đào tạo ngắn hạn.

2.6. Xây dựng kế hoạch đào tạo linh hoạt, khắc phục những tồn tại

2.7. Xây dựng kế hoạch dịch giáo trình từ tiếng nước ngoài. Phát triển tài liệu môn học sau rà soát khung CTĐT.

2.8. Kiểm định chất lượng đào tạo: Tự đánh giá 10 CTĐT; 3 CTĐT đánh giá theo chuẩn AUN

2.9. Đối với hệ VLVH: Phấn đấu 500 chỉ tiêu tuyển sinh hệ VLVH. Đẩy mạnh công tác tạo nguồn tuyển sinh, tập trung đào tạo liên thông, văn bằng II, đảm bảo qui mô ổn định. Duy trì và phát triển thêm các CSLK mới. Tăng cường mở rộng hợp tác liên kết đào tạo, xây dựng cơ chế hợp tác để thúc đẩy tạo nguồn tuyển sinh hệ VLVH. Xây dựng cơ chế cộng tác viên tuyển sinh. Phối hợp chặt chẽ với các khoa chuyên môn trong công tác tư vấn, tạo nguồn. Mở rộng thêm các loại hình đào tạo ngắn hạn và các loại hình liên kết đạo tạo khác.

3. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu ngành nghề đào tạo phục vụ công tác tuyển sinh đại học. Huy động tất cả giáo viên, sinh viên, các tổ chức đoàn thể tham gia công tác tuyển sinh 2018.

2. Đẩy nhanh công tác viết và nghiệm thu giáo trình các trình độ. Các học phần rèn nghề, thực tập nghề nghiệp phải hoàn thành bài giảng hoặc giáo trình giảng dạy trong năm học 2018-2019.

3. Tổ chức dự giờ 100% giảng viên trong năm học (bao gồm cả nội dung thực hành, thực tập và rèn nghề).

4. Tiếp tục duy trì và cải tiến nội dung các bài thực hành, rèn nghề gắn với việc xây dựng các mô hình tại Trường Đại học Nông lâm.

5. Tập trung nâng cao chất lượng nội dung thực tập tốt nghiệp.

6. Rà soát, xây dựng đề cương tất cả các học phần lý thuyết, thực hành, thực tập nghề nghiệp, rèn nghề.

7. Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và cơ sở sản xuất trong đào tạo.

PHẦN 1
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1.1. Kế hoạch tổng thể

1.1.1. Kế hoạch thời gian trong năm học

1.1.1.1. Kế hoạch chung

Năm học gồm 52 tuần (từ 13/8/2018 đến 11/8/2019), chia thành 3 học kỳ (học kỳ 1, học kỳ 2 và học kỳ 3), trong đó học kỳ 1 và học kỳ 2 là các học kỳ chính, học kỳ 3 tổ chức cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm.

+ **Học kỳ 1:** 20 tuần, từ tuần 01 đến tuần 20 (13/08/2018 - 30/12/2018)

+ **Học kỳ 2:** 22 tuần, từ tuần 21 đến tuần 42 (31/12/2018 - 02/06/2019)

+ **Học kỳ 3:** 09 tuần, từ tuần 43 đến tuần 51 (03/06/2019 - 04/08/2019)

+ **Tuần dự trữ:** 01 tuần, tuần 52 (05/08 – 11/08/2019): Dùng cho hoạt động bồi dưỡng chuyên môn của cán bộ, giáo viên.

1.1.1.2. Kế hoạch chi tiết theo từng kỳ học

*** Kỳ 1: Bắt đầu từ 13/8/2017 – 30/12/2017**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
I	**K47, K48, K49**	
1	Học chuyên môn: 15 tuần	13/08 - 25/11/2018
2	Giao đề tài khóa luận tốt nghiệp đợt 1 cho K47	14/08 – 27/08/2018
3	Xét học vụ	20/08 - 01/09/2018
4	Kiểm tra giữa kỳ I: 2 tuần	24/09 – 07/10/2018
5	Thi kết thúc học kỳ I: 5 tuần	26/11 – 30/12/2018
6	Xét tốt nghiệp đợt tháng 10/2018	01/10 – 10/10/2018
7	Giao đề tài tốt nghiệp đợt 2 cho K47	04/12 - 10/12/2018
8	***Nghỉ Lễ Quốc khánh 02/09***	Nghỉ bù vào 03/09/2018
II	**K50**	
1	K50 nhập trường	Từ 4,5/8/2018
2	K50 sinh hoạt chính trị đầu năm học	06/08 – 12/08/2018
3	Học chuyên môn: 15 tuần	13/08 - 25/11/2018
4	Kiểm tra giữa kỳ I: 2 tuần	24/09 – 07/10/2018
5	Thi kết thúc học kỳ I: 5 tuần	26/11 – 30/12/2018

*** Học kỳ II: Từ 31/12/2018 – 02/6/2019**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
1	Học chuyên môn: 15 tuần	31/12 – 05/05/2019
2	*Nghỉ tết dương lịch*	01/01/2019
3	Xét tốt nghiệp đợt tháng 1 năm 2019	07/01 - 15/01/2019
4	Xét học vụ	07/01 – 13/01/2019
5	*Nghỉ tết Nguyên đán (3 tuần)*	28/01 - 17/2/2019
6	*Các ngày nghỉ lễ (không dạy và học bù)* - Giỗ tổ Hùng vương: 10/3 Âm lịch - Lễ Chiến thắng và Quốc tế lao động	 14/04/2019 30/04 - 01/05/2019
7	K49 học Giáo dục quốc phòng: 5 tuần	18/02 – 24/03/2019
8	Kiểm tra giữa kỳ II	25/02 – 10/03/2019
9	Xét tốt nghiệp đợt tháng 4 năm 2019	01/04 - 10/04/2019
10	Thi học kỳ II: 4 tuần	06/05 – 02/06/2019
11	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp K47	27/05 – 17/06/2019
12	**Lễ trao bằng tốt nghiệp năm 2019 (K47)**	**25/06 – 30/06/2019**

*** Học kỳ 3: 9 tuần từ 4/6/2019 - 04/08/2019**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THỜI GIAN
1	Sinh viên đăng ký nguyện vọng trên phần mềm	06/05 - 12/05/2019
2	Lập kế hoạch thời khóa biểu dự kiến	13/05 - 19/05/2019
3	Gửi thời khóa biểu dự kiến về các khoa để phân công giảng dạy Sinh viên đăng ký học chính thức	20/05 - 26/05/2019
4	Sinh viên hủy các lớp học phần	27/05 - 02/06/2019
5	Học chính thức (GV tự bố trí kiểm tra giữa kỳ)	03/06 - 04/08/2019
6	Nghỉ phục vụ thi tốt nghiệp THPT	3 tuần
7	Thi kết thúc học phần	29/07 – 04/08/2019
8	Tuần dự trữ	05/08 - 11/08/2019

*** Nghỉ hè: 8** tuần từ tuần: 10/6/2019- 11/8/2019

1.1.2. Các hệ đào tạo và chương trình đào tạo năm học 2018-2019

TT	Hệ đào tạo	Ghi chú
1	Đại học chính quy (CT chuẩn)	20 chuyên ngành
2	Đại học chính quy (CT POHE)	02 chuyên ngành TT và CNTY

3	Đại học chính quy (CTTT)	02 Ngành: KHMT+CNTP
4	Liên thông CĐ lên đại học	07 ngành
5	Văn bằng 2	07ngành
6	Đào tạo ngành mới	4 ngành Nông nghiệp CNC, Bất động sản, Đảm bảo chất lượng và ATTP, KTNN (CTTT)

1.1.3. Quy mô sinh viên năm học 2018-2019 (trừ khóa 50)

1.1.3.1. Các lớp sinh viên theo khoá học

TT	Khoa	Chuyên ngành	K46	K47	K48	K49	Tổng
1	Chăn nuôi thú y	Chăn nuôi TY		111	147	64	322
		CNTY POHE		38	47	65	150
		Thú y	231	245	373	161	1010
		Dược thú y		29	24	10	63
		NTTS					
	Tổng		*231*	*423*	*591*	*300*	*1545*
2	QLTài nguyên	Quản lý đất đai		163	79	34	276
		Địa chính MT		57	17		74
		QL TN môi trường		47	22	28	97
		QLTN và DLST					
	Tổng			*267*	*118*	*62*	*447*
3	Môi trường	KH Môi trường		72	50	20	142
		KT TNTN		3	1	5	9
	Tổng			*75*	*51*	*25*	*151*
4	VP các CTCLC	KH&QLMT	88	40	18	14	160
		CNTP			23	15	38
	Tổng		*88*	*40*	*41*	*29*	*198*
5	Nông học	Trồng trọt		86	112	39	237
		CN rau hoa CQ				5	5
	Tổng			*86*	*112*	*44*	*242*
6	CNSH&CNTP	Công nghệ SH		14	15	25	54
		CN thực phẩm		33	36	33	102
		CN sau thu hoạch					
	Tổng			*47*	*51*	*58*	*156*
7	Kinh tế &PTNT	Khuyến nông		12	9	3	24
		Phát triển nông thôn		87	34	11	132
		Kinh tế nông nghiệp		116	54	40	210
	Tổng			*215*	*97*	*54*	*366*
8	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp		47	15	28	90
		NL kết hợp		32	13		45
		QL tài nguyên rừng		59	29	26	114

		ST và BTĐDSH		21	6		27
	Tổng			*159*	*63*	*54*	*276*
	Tổng toàn trường theo khoá		**319**	**1312**	**1124**	**626**	**3381**

**** Tổng số sinh viên năm năm học 2018-2019 giảm 1.388 SV so với năm học 2017-2018***

1.1.3.2. Hệ đào tạo liên thông chính quy, Văn bằng 2

STT	NGÀNH HỌC	K47	K48	K49	Tổng
1	LT Quản lý đất đai	63	50	22	135
2	LT Khoa học môi trường	31	13	8	52
3	LT Khoa học cây trồng	17	3	2	22
4	LT Thú y	21	4	13	38
5	LT Lâm nghiệp	13	1	2	16
6	LT Quản lý tài nguyên rừng	9	8	1	18
7	LT Chăn nuôi thú y	5	2		7
	Tổng	**159**	**81**	**48**	**288**
8	VB2 Thú y	1		1	2
9	VB2 Chăn nuôi thú y	1		1	2
10	VB2 KH môi trường	1	1		2
11	VB2 Quản lý đất đai	7	6	2	15
12	VB2 Khoa học cây trồng	1	2		3
13	VB2 Lâm nghiệp	14	1	9	24
	Tổng	**25**	**10**	**13**	**48**
	Tổng liên thông		*288*		
	Tổng Văn bằng 2		*48*		

1.1.4. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp K47

TT	Ngành/chuyên ngành	Khoa quản lý	Số lớp SV	Số lớp đi TTTN đợt 1 (kỳ 1)	Số SV đi TTTN đợt 2 (Kỳ 2)
1	Chăn nuôi thú y	CNTY	2/111	1/55	1/56
2	Chăn nuôi thú y POHE	CNTY	1/38	1/38	
3	Thú y	CNTY	4/242	1/59	3/183
4	KHCT	NH	2/86	1/43	1/43
5	STBTSH	LN	1/21		1/21
6	Lâm nghiệp	LN	1/47		1/47
7	Nông lâm kết hợp	LN	1/32		1/32
8	Quản lý TN rừng	LN	1/59		1/59
9	Quản lý đất đai	QLTN	3/163	2/113	1/50
10	Địa chính – Môi trường	QLTN	1/57		1/57
11	Quản lý tài nguyên &MT	QLTN	1/47		1/47
12	Khoa học MT	MT	1/72	0,5/36	0.5/36
13	KTTNTN	MT	1/3	1/3	
14	Kinh tế nông nghiệp	KTPTNT	2/116	1/58	1/58
15	Phát triển nông thôn	KTPTNT	2/87	1/43	1/44
16	Khuyến nông	KTPTNT	1/12	1/12	
17	Công nghệ sinh học	CNSH	1/14		1/14
18	Công nghệ thực phẩm	CNSH	1/33		1/33
19	Khoa học &QLMT	CTTT	1/40		1/40
	Tổng		**28**	**10,5**	**17,5**

***K46 CTTT có kế hoạch TTTN riêng**

1.1.5. Kế hoạch xét tốt nghiệp năm học 2018-2019

- Đợt 1: Tháng 6/2018
- Đợt 2: Tháng 10/2018
- Đợt 3: Tháng 1/2019
- Đợt 4: Tháng 4/2019

Ngoài ra, căn cứ vào số lượng sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp có thể tổ chức thêm các đợt xét bổ sung.

Ngành và số sinh viên dự kiến tốt nghiệp năm học 2018-2019

TT	Ngành/chuyên ngành	Khoa quản lý	Số SV
1	Chăn nuôi thú y + CNTY POHE	CNTY	149
2	Thú y	CNTY	231
3	Trồng trọt	NH	86
4	Lâm nghiệp	LN	47
5	Nông lâm kết hợp	LN	32
6	Quản lý TN rừng	LN	59
7	Sinh thái và bảo tồn ĐDSH	LN	21
8	Khoa học môi trường	MT	72
9	KTTNTN	MT	3
10	Quản lý đất đai	QLTN	163
11	Địa chính – Môi trường	QLTN	57
12	Quản lý tài nguyên và MT	QLTN	47
13	Kinh tế nông nghiệp	KT&PTNT	116
14	Phát triển nông thôn	KT&PTNT	87
15	Khuyến nông	KT&PTNT	12
16	Công nghệ sinh học	CNSH	14
17	Công nghệ thực phẩm	CNSH	33
18	Khoa học &QLMT	CTTT	40
	Tổng		**1269**

1.1.6. Kế hoạch mời giảng

TT	Học phần	Địa chỉ mời	Số lớp	Khoa quản lý
1	Rèn nghề 3: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia cầm	Đỗ Trung Cứ	4	CNTY
2	Rèn nghề 4: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc nhai lại	Đỗ Trung Cứ	4	CNTY
3	Rèn nghề 5: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho lợn, gà	Đỗ Trung Cứ	1	CNTY
4	Rèn nghề 3: Chẩn đoán và điều trị cho vật nuôi	Đỗ Trung Cứ	1	CNTY

5	Pháp lệnh dược - thú y	Nguyễn Văn Lâm	1	CNTY
6	TTNN 2: Phòng chống dịch bệnh vật nuôi	Đỗ Thị Vân Giang	1	CNTY
7	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch	Đỗ Thị Vân Giang (3) + Trương Thị Tính (4) + Nguyễn Thị Bích Ngà (4)	11	CNTY
8	Chăn nuôi lợn	Hà Thị Hảo	1	CNTY
9	TTNN 2: Tổ chức, quản lý chăn nuôi trang trại	Hà Thị Hảo	3	CNTY
10	Bệnh nội khoa thú y (3TC)	Đỗ Thị Vân Giang (2) + Trương Thị Tính (2)	4	CNTY
11	Marketing dược căn bản	Trần Thị Bích Hợp	1	CNTY
12	Ngoại khoa thú y	Đỗ Trung Cứ	1	CNTY
	Tổng		33	

1.1.7. Kế hoạch bố trí thời khoá biểu các học phần thực hành, TTNN và rèn nghề

Phối hợp với các khoa để xây dựng chi tiết

1.1.8. Kế hoạch mở ngành mới

Xây dựng mới 01-03 ngành đào tạo

1.1.9. Kế hoạch tuyển sinh mới năm 2018

- Hệ chính quy K50: Tổng số tuyển mới theo kế hoạch tuyển sinh năm 2018 là 1450 sinh viên và dự kiến được biên chế vào 15 lớp học phần.

- Hệ liên thông chính quy: 100 chỉ tiêu.

1.1.10. Kế hoạch bố trí giảng đường

- Giảng đường D (tầng 1,2,3) sẽ dành bố trí cho toàn bộ sinh viên K50;

- Giảng đường A,D bố trí các khoá K47,48,49

1.1.11. Kế hoạch biên soạn giáo trình

Nghiệm thu và XB từ 10 – 14 giáo trình

1.1.12. Kế hoạch học tập GDQP, an ninh:

K49 sẽ học quốc phòng, an ninh 5 tuần: Từ ngày 18/02/2019 – 24/03/2019

1.1.13. Kế hoạch thu học phí

- Kỳ 1: Từ 21/09/2018 – 15/11/2018.

- Kỳ 2: Từ 01/03/2019 – 03/04/2019. - Kỳ 3: Từ 20/06/2019 – 17/07/2019.

PHẦN II

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

II. Kế hoạch tổng thể về đào tạo

2.1. Hệ đào tạo cao học và nghiên cứu sinh

2.1.1. Hệ Đào tạo nghiên cứu sinh:

Bảng 1. Số lượng nghiên cứu sinh đang theo học tại cơ sở đào tạo (theo ngành và theo năm)

TT	Chuyên ngành	Trúng tuyển năm 2011	Trúng tuyển năm 2012	Trúng tuyển năm 2013	Trúng tuyển năm 2014	Trúng tuyển năm 2015	Trúng tuyển năm 2016	Trúng tuyển năm 2017	Trúng tuyển năm 2018	Tổng NCS theo ngành
1	Khoa học cây trồng		3	4	8	2	1			**18**
2	Chăn nuôi						1			**1**
3	Dinh dưỡng & TACN									**0**
4	Lâm sinh	1			2		1	1		**5**
5	KST & VSV thú y			1	1		4	2	1	**9**
6	Quản lý đất đai		4	1	1	1	2	2	1	**11**
7	Khoa học môi trường				3	2	3	2		**10**
8	Phát triển Nông thôn							5	1	**6**
Tổng số NCS : 60										

2.1.2. Hệ Đào tạo cao học:

Khoá học	Biên chế theo lớp	
	Tên lớp	Tổng số HV
Khoá 24	1. Khoa học cây trồng A	22
	2. Khoa học cây trồng B	16
	3. Chăn nuôi	6
	4. Công nghệ sinh học	5
	5. Thú y	7
	6. Phát triển nông thôn A	10
	7. Phát triển nông thôn B	28

	8. Kinh tế nông nghiệp A	15
	9. Kinh tế nông nghiệp B	18
	10. Kinh tế nông nghiệp C	21
	11. Lâm nghiệp	11
	12. Quản lý đất đai A	50
	13. Quản lý đất đai B	31
	14. Quản lý đất đai C	25
	15. Khoa học môi trường A	21
	16. Khoa học môi trường B	10
Cộng khóa 24	**16 lớp**	**296**
Khóa 25	1. Kinh tế nông nghiệp A	37
	2. Kinh tế nông nghiệp B	13
	3. Kinh tế nông nghiệp C	21
	4. Kinh tế nông nghiệp D	24
	5. Kinh tế nông nghiệp F	15
	6. Chăn nuôi A	8
	7. Chăn nuôi B	19
	8. Phát triển nông thôn A	20
	9. Phát triển nông thôn B	16
	10. Phát triển nông thôn C	22
	11. Quản lý đất đai A	64
	12. Quản lý đất đai B	19
	13. Quản lý đất đai C	30
	14. Quản lý đất đai D	25
	15. Quản lý đất đai F	16
	16. Quản lý đất đai E	17
	17. Công nghệ sinh học A	7
	18. Thú Y A	14
	19. Khoa học cây trồng A	11
	20. Khoa học cây trồng B	16
	21. Khoa học cây trồng C	13
	22. Lâm nghiệp A	14
	23. Lâm nghiệp B	17
	24. Khoa học môi trường A	29
Cộng khóa 25		**487**

2.2 Kế hoạch tốt nghiệp.

Các kỳ học của k24 đã thực hiện xong theo đúng kế hoạch năm học 2018 - 2019. Sau khi kết thúc học các học phần tín chỉ theo yêu cầu học viên thực hiện theo lịch sau:

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian	Đơn vị thực hiện
1	Kiểm tra tiến độ đề tài các ngành	Tháng 4,5,6/2018	Phòng Đào tạo phối hợp cùng khoa CM
2	Thẩm định luận văn	Tháng 8/2018	Khoa chuyên môn
3	Bảo vệ luận văn	Tháng 10, 11/2018	Phòng Đào tạo
4	Hoàn thiện hồ sơ, xét tốt nghiệp	Tháng 12/2018	Phòng Đào tạo

2.3. Kế hoạch tuyển mới

Căn cứ vào nguồn lực cán bộ, giảng viên đào tạo sau đại học, trường Đại học Nông Lâm đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học năm 2018 với số lượng cụ thể từng ngành như sau:

Stt	Chuyên ngành ĐT thạc sĩ	Số lượng	Chuyên ngành ĐT tiến sĩ	Số lượng
1	Quản lý đất đai	86	Khoa học cây trồng	2
2	Khoa học môi trường	40	Ký sinh trùng và vi sinh vật học thú y	3
3	Chăn nuôi	71	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3
4	Thú Y	41	Kỹ thuật lâm sinh	1
5	Phát triển nông thôn	64	Quản lý đất đai	2
6	Lâm học	38	Khoa học môi trường	2
7	Khoa học cây trồng	59	Phát triển nông thôn	2
8	Kinh tế nông nghiệp	35		
9	Công nghệ sinh học	15		
	Tổng	**449**		**15**

2.4. Kế hoạch phân bổ thời gian học trong năm 2018– 2019

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
K24	Dự trữ		Kiểm tra tiến độ đề tài các ngành đào tạo SĐH			Thực tập tốt nghiệp	Nghỉ hè		Bảo vệ luận văn thạc sĩ các ngành đào tạo SĐH			Ra trường
K25	Dự trữ		Học kỳ II			Thi học kỳ II và bảo vệ đề cương	Nghỉ hè		Học kỳ III			Thi học kỳ III

Ghi chú: - Các thời gian còn lại không có trong lịch bao gồm: Nghỉ tết Nguyên Đán, nghỉ hè và thời gian cho học viên tự tham khảo tài liệu để phục vụ cho các môn học và đề tài tốt nghiệp.

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT NĂM HỌC 2018-2019 – SAU ĐẠI HỌC

I. Kế hoạch đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

1.1. NGÀNH CHĂN NUÔI

Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ
Phần chữ	Phần số		
I. Học kỳ I			
PHI	631	Triết học	3
ENG	651	Tiếng Anh	Không bắt buộc
ABC	621	Sinh hoá động vật	2
APH	621	Sinh lý động vật	2
AGV	621	Di truyền - Giống động vật	2
FNC	621	Thức ăn và dinh dưỡng gia súc	3
BIA	621	Vi sinh vật chăn nuôi	2
II. Học kỳ II			
RAV	621	Phương pháp nghiên cứu trong Chăn nuôi - Thú y	2
POR	621	Chăn nuôi gia cầm	2
PIR	621	Chăn nuôi lợn	2
BIT	621	Ứng dụng Công nghệ sinh học trong Chăn nuôi - Thú y	2
Các môn tự chọn (6 tín chỉ)			
FSH	621	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2
PRM	621	Xây dựng và quản lý dự án	2
LHY	621	Vệ sinh gia súc	2
HFE	621	Kinh tế nông hộ và trang trại	2
EEN	621	Sinh thái - Môi trường	2
III. Học kỳ III			
CAR	621	Chăn nuôi trâu bò	2
GRR	621	Chăn nuôi dê - thỏ	2
INF	621	Truyền nhiễm & Quản lý dịch bệnh	2
Các môn tự chọn (6 tín chỉ)			
PHT	621	Công nghệ sau thu hoạch	2
RET	621	Công nghệ sinh sản	2
BER	621	Nuôi ong	2
GFP	621	Đồng cỏ & cây thức ăn gia súc	2
AQU	621	Nuôi trồng thủy sản	2
III. Luận văn			**15**
Tổng số tín chỉ			**60**

1.2. NGÀNH THÚ Y

Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ
Phần chữ	Phần số		
Học kỳ I			
PHI	631	Triết học	3
ENG	651	Tiếng Anh	Không bắt buộc
ABC	621	Sinh hoá động vật	2
APH	621	Sinh lý động vật	2
VEF	621	Dược lý thú y	2
VEB	621	Vi sinh vật thú y	2
VEP	621	Bệnh lý học thú y	2
Học kỳ II			
RAV	621	Phương pháp nghiên cứu trong Chăn nuôi - Thú y	2
TOX	621	Độc chất học thú y	2
INF	621	Bệnh truyền nhiễm	3
PAR	621	Ký sinh trùng thú y	2
Các môn tự chọn (6 tín chỉ)			
FSH	621	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2
LHY	621	Vệ sinh gia súc	2
IMM	621	Miễn dịch học thú y	2
BIT	621	Ứng dụng Công nghệ sinh học trong Chăn nuôi - Thú y	2
EEN	621	Sinh thái – Môi trường	2
Học kỳ III			
RPD	621	Bệnh sinh sản gia súc	2
VID	621	Bệnh nội khoa gia súc	2
VSU	621	Bệnh ngoại khoa gia súc	2
Các môn tự chọn (6 tín chỉ)			
VHI	621	Kiểm nghiệm thú sản	2
EPI	621	Dịch tễ học thú y	2
ZON	621	Bệnh động vật hoang dã	2
RET	621	Công nghệ sinh sản	2
AQD	621	Bệnh ở động vật thủy sản	2
Luận văn			**15**
Tổng số tín chỉ			**60**

1.3. NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ
Phần chữ	Phần số		
Học kỳ I			
PHI	631	Triết học	3
ENG	651	Tiếng Anh	Không bắt buộc
PCP	621	Hóa sinh thực	2
PCP	621	Sinh lý thực vật	2
PGV	631	Di truyền, chọn giống cây trồng	3
SOF	621	Bảo vệ thực vật	2
PPR	621	PP nghiên cứu trong trồng trọt	2
Học kỳ II			
PRM	621	Dinh dưỡng cây trồng	2
FOC	621	Cây lương thực (lúa, ngô)	2
INC	621	Cây công nghiệp (Chè, đậu tương)	2
Các môn tự chọn: (8 tín chỉ)			
FSY	621	Hệ thống nông nghiệp	2
PRM	621	Xây dựng và quản lý dự án	2
HFE	621	Kinh tế hộ và trang trại	2
EEN	621	Sinh thái môi trường	2
BIT	621	Công nghệ sinh học	2
EXT	621	Khuyến nông	2
OAG	621	Nông nghiệp hữu cơ	2
Học kỳ III			
FRU	621	Cây ăn quả	2
VEC	621	Cây Rau	2
Các môn học tự chọn (8 .tín chỉ)			
PHT	621	Công nghệ sau thu hoạch	2
OPB	621	Công nghệ hoa, cây cảnh	2
CRSC	621	Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM)	2
TNC	621	Công nghệ trồng cây không đất	2
SWC	621	Khoai, sắn	2
SUT	621	Mía, thuốc lá	2
Luận văn			**15**
Tổng số tín chỉ			**60**

1.4. NGÀNH LÂM HỌC

Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ
Phần chữ	Phần số		
Học kỳ I			
PHI	631	Triết học	3
ENG	651	Tiếng Anh	Không bắt buộc
BGI	621	Giống và cải thiện giống cây rừng	2
BCO	621	Bảo tồn đa dạng sinh học	2
FRM	621	Phương pháp nghiên cứu trong lâm nghiệp	2
CCF	621	Biến đổi khí hậu trong nông lâm nghiệp	2
WSM	621	Quản lý lưu vực	2
Học kỳ II.			
SIT	621	Kỹ thuật lâm sinh	3
Các môn tự chọn: (10 tín chỉ)			
IDF	621	Quản lý sâu bệnh hại rừng	2
VES	621	Định giá dịch vụ môi trường rừng	2
LES	621	Đánh giá đất và phân chia lập địa	2
FPA	621	Phân tích chính sách lâm nghiệp	2
CFV	621	Phân loại thảm thực vật rừng	2
CFM	621	Quản lý xung đột trong lâm nghiệp	2
SOF	621	Lâm nghiệp xã hội	2
Học kỳ III			
FRM	621	Quản lý tài nguyên rừng	2
AFF	621	Trồng rừng	2
ARF	621	Nông lâm kết hợp	2
FAE	621	Điều tra đánh giá sản lượng rừng	2
Các môn học tự chọn (6 tín chỉ)			
PRM	621	Lập và quản lý dự án lâm nghiệp	2
FDP	621	Quy hoạch phát triển tài nguyên rừng	2
MPR	621	Thị trường và chế biến lâm sản	2
CDM	621	Bảo tồn và phát triển cây dược liệu	2
RSF	621	Viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng	2
SST	621	Seminar chuyên ngành lâm nghiệp	2
III. Luận văn			**15**
Tổng số tín chỉ			**60**

1.5. NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ
Phần chữ	Phần số		
Học kỳ I			
PHI	631	Triết học	3
ENG	651	Tiếng Anh	Không bắt buộc
ADG	621	Trắc địa nâng cao	3
GIS	621	Hệ thống thông tin địa lý	2
ASS	621	Khoa học đất nâng cao	2
ARS	621	Ứng dụng trắc địa ảnh VT	2
LEC	621	Kinh tế tài nguyên đất	2
Học kỳ II			
LCM	621	Phân loại và lập bản đồ đất	2
LLP	621	Chính sách pháp luật đất đai	2
LEV	621	Đánh giá đất	2
Các môn tự chọn: (8 tín chỉ)			
ESD	621	Quản lý môi trường và Phát triển bền vững	2
CMT	621	Công nghệ xây dựng bản đồ địa chính	2
MSR	621	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
SLU	621	Sử dụng đất bền vững	2
MRP	621	Mô hình hoá trong trong QH và quản lý tài nguyên	2
WSM	621	Quản lý lưu vực	2
FAM	621	Cơ sở quản lý hành chính về đất đai	2
Học kỳ III			
LLP	621	Chính sách pháp luật đất đai	2
LEV	621	Đánh giá đất	2
LUP	621	Quy hoạch sử dụng đất	2
Các môn học tự chọn (10 tín chỉ)			
PPA	621	Lập và phân tích dự án trong quản lý tài nguyên	2
RMM	621	Quản lý thị trường bất động sản	2
CSR	621	Bồi thường hỗ trợ tái định cư	2
ULP	621	Quy hoạch đô thị và Khu dân cư	2
MWM	621	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	2
LPR	621	Định giá đất và bất động sản	2
SEP	621	Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội	2
PRC	621	Tin học chuyên ngành	2
III. Luận văn			**15**
Tổng số tín chỉ			**60**

1.6. NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ
Phần chữ	Phần số		
Học kỳ I			
PHI	631	Triết học	3
ENG	651	Tiếng Anh	Không bắt buộc
PRM	621	Nguyên lý và các phương pháp nghiên cứu môi trường	2
BNC	621	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên	2
SWE	621	Môi trường đất và nước	2
REE	621	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2
ENA	621	Phân tích môi trường	2
EMS	621	Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững	2
Học kỳ II			
ESA	621	Phân tích hệ thống môi trường	2
EIA	621	Đánh giá tác động môi trường	3
ENT	621	Ô nhiễm và các biện pháp xử lý	2
Các môn tự chọn: (8 tín chỉ)			
ENS	621	Thống kê môi trường	2
TOX	621	Độc học môi trường	2
WAE	621	Kinh tế chất thải	2
AGI	621	Ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong nghiên cứu quản lý môi trường	2
CLC	621	Biến đổi khí hậu	2
ENE	621	Năng lượng và môi trường	2
ARE	621	Môi trường Nông nghiệp-Nông thôn	2
ENM	621	Mô hình hoá môi trường	2
AEC	621	Hoá học môi trường ứng dụng	2
POE	621	Dân số và môi trường	2
Học kỳ III			
ESP	621	Chiến lược và chính sách môi trường	2
RBM	621	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	2
Các môn học tự chọn (10 tín chỉ)			
ENP	621	Quy hoạch môi trường	2
POE	621	Rừng và môi trường	2
POS	621	Công nghệ môi trường	2
ABE	621	Sinh học ứng dụng trong xử lý môi trường	2
TEP	621	Các quá trình vận chuyển và chuyển hóa chất ô nhiễm trong môi trường	2
PDM	621	Xây dựng và quản lý dự án môi trường	2
URE	621	Đô thị hoá môi trường	2
III. Luận văn			**15**
Tổng số tín chỉ			**60**

1.7. NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ
Phần chữ	Phần số		
Học kỳ I			
PHI	631	Triết học	3
ENG	651	Tiếng Anh	Không bắt buộc
PRD	621	Nguyên lý phát triển nông thôn	3
RUS	621	Xã hội học nông thôn	2
COD	621	Phát triển cộng đồng	2
SRM	621	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	2
POA	621	Chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn	2
Học kỳ II			
RDP	621	Lập kế hoạch chiến lược phát triển nông thôn	2
PMD	621	Quản lý và đánh giá dự án phát triển nông thôn	2
Các môn tự chọn: (10 tín chỉ)			
VCR	621	Phân tích các chuỗi giá trị trong Phát triển nông thôn	2
RCF	621	Tài chính - Tín dụng nông thôn	2
GRD	621	Giới trong phát triển nông nghiệp, nông thôn	2
RFA	621	Quản trị nông trại nông thôn	2
REM	621	Quản lý tài nguyên và môi trường	2
FHD	621	Tổ chức nông dân và phát triển nguồn nhân lực	2
FSE	621	Hệ thống canh tác và khuyến nông	2
Học kỳ III			
ERD	621	Kinh tế phát triển nông thôn	2
Các môn học tự chọn (10 tín chỉ)			
INF	621	Sử dụng các phần mềm chuyên dùng trong nghiên cứu PTNT	2
FSD	621	An ninh lương thực và PTNT	2
MAR	621	Thị trường nông sản	2
PAD	621	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	2
PRD	621	Quy hoạch Phát triển nông thôn	2
INS	621	Kỹ năng khai thác thông tin trong Phát triển nông thôn	2
GIS	621	Ứng dụng GIS trong qui hoạch Phát triển nông thôn	2
III. Luận văn			**15**
Tổng số tín chỉ			**60**

1.8. NGHÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
Phần kiến thức chung			**8**	**8**	**0**
CNTH	501	Triết học	3	3	0
CNTA	502	Tiếng Anh	5	5	0
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					
Các học phần bắt buộc			(27% thời lượng CTĐT)		
			16	**12**	**4**
CNHĐ	503	Các vấn đề hiện đại trong Công nghệ sinh học	3	2	1TL
CNTT	504	Truyền tải và bảo vệ thông tin khoa học	2	1	1 TH-TL
CNTK	505	Thống kê và xử lý số liệu trong Công nghệ sinh học	3	2	1TH-BT
CNTB	506	Sinh học phân tử tế bào	3	2	1TH
CNDT	507	Di truyền không phụ thuộc trình tự DNA (Epigenetics)	2	2	0
CNMD	508	Miễn dịch học phân tử và tế bào nâng cao	3	2	1TL
Các học phần lựa chọn			(35% thời lượng CTĐT)		
			21		
CNPO	509	Proteomics	3	2	1TL
CNTS	510	Tin sinh học hệ gene	3	1	2TH
CNMT	511	Công nghệ sinh học trong Môi trường	3	1	1TH, 1TL
CNTP	512	Công nghệ sinh học trong Thực phẩm	3	1	1TH, 1TL
CNYD	513	Công nghệ sinh học trong Y - Dược	3	1	1TH, 1TL
CNNN	514	Công nghệ sinh học trong Nông nghiệp	3	2	1TH
CNUT	515	Sinh học ung thư	3	2	1TL
CNBC	516	Bào chế thuốc có nguồn gốc sinh học	3	3	0
CNTG	517	Sinh học tế bào gốc	3	2	1TL
CNCĐ	518	Chẩn đoán phân tử	3	2	1TH
CNPI	519	Protein: cấu trúc, chức năng và công nghệ	3	3	0
CNHC	520	Các hoạt chất sinh học và ứng dụng	3	2	1TL
CNCT	521	Chỉ thị phân tử trong chọn giống cây trồng	3	2	1TH-TL
CNTN	522	Sinh tổng hợp các hoạt chất tự nhiên	3	2	1TL

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)
		bằng hệ enzyme phức hợp	
CNLV	524	Luận văn thạc sĩ Công nghệ sinh học định hướng nghiên cứu	**15** (25% thời lượng CTĐT)
		Tổng cộng:	**60**

1.9. NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

MÃ SỐ HOC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		
Học kỳ I			8
KNTH	501	Triết học	3
KTTA	502	Tiếng Anh	Không bắt buộc
KNKH	503	Kinh tế học	3
KNQL	504	Tài chính tín dụng	3
KNKP	505	Kinh tế phát triển	3
KNPN	506	Phương pháp nghiên cứu kinh tế- xã hội	3
Học kỳ II. Các học phần cơ sở tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)			12
KNQN	507	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
KNNC	508	Nông nghiệp công nghệ cao	3
KNCN	509	Phân tích chính sách nông nghiệp	3
KNQT	510	Quản lý thông tin kinh tế	3
KNĐK	511	Địa lý kinh tế Việt nam	3
KNKD	512	Kinh tế đối ngoại	3
KNĐN	513	Phát triển du lịch và du lịch nông thôn	3
KNLQ	514	Kỹ năng lãnh đạo và quyết định	3
Học kỳ III			13
KNKN	515	Kinh tế nông nghiệp	3
KNQD	516	Quản lý dự án nông nghiệp	2
KNNN	517	Kinh tế nông trại	2
Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)			6
KNMN	518	Marketing nông nghiệp	2
KNCN	519	Chuỗi giá trị trong nông nghiệp	2
KNPN	520	Phát triển nông thôn	3
KNKM	521	Kinh tế môi trường	3
KNTP	522	Tài chính phát triển	3
KNPV	523	Phát triển kinh tế vùng	2
		Luận văn thạc sỹ	**15**
Tổng cộng			**60**

II. Kế hoạch đào tạo tiến sĩ

1. Tổ chức bảo vệ đề cương

Tổ chức bảo vệ đề cương cho NCS khóa 20 (đợt xét tuyển tháng 4 và tháng 8 năm 2018)

2. Tổ chức giảng dạy 8 tín chỉ

- Xây dựng thời khóa biểu, tổ chức và quản lý giảng dạy 8 tín chỉ cho các ngành đào tạo tiến sĩ tuyển sinh năm 2018 vào tháng 11 và 12 năm 2018.

3. Tổ chức bảo vệ chuyên đề

* Tổ chức bảo vệ chuyên đề cho NCS được gia hạn khóa k13, K15 và các NCS khóa 16, 17, 18 từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2018:

- Khóa 13: Nguyễn Văn Mạn ngành Lâm sinh;
- Khóa 14: 2 NCS ngành KHCT: Trần Minh Hòa, Lê Ngọc Thanh; 3 NCS ngành QLĐĐ: Tạ Ngọc Long, Hà Anh Tuấn, Nguyễn Thế Hoàn.

* Tổ chức bảo vệ chuyên đề cho NCS khóa 15, 16 theo kế hoạch học tập của NCS:

- Khóa 15 năm 2013

+ Ngành KHCT: Đào Xuân Thanh

+ Ngành KST & VSV học thú y: Bùi Văn Tú

+ Ngành QLĐĐ: Hoàng Thành Lâm

- Khóa 16 năm 2014 +Khóa 17 năm 2015

+ Ngành KHCT: Dương Ngọc Hưng, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Thu Huyền.

+ Ngành Lâm sinh: Ngô Xuân Hải, Trần Thị Hương Giang.

+ Ngành QLĐĐ: Ninh Văn Quý, Phạm Xuân Thiều.

+ Ngành KHMT: Nguyễn Văn Giáp, Ngô Thị Bích Lập, Đặng Xuân Thường.

- Khóa 18 năm 2016: Toàn bộ NCS khóa 18 năm 2016

4. Tổ chức bảo vệ bài tiểu luận tổng quan

* Tổ chức bảo vệ bài tiểu luận tổng quan cho NCS được gia hạn khóa 13, 14 từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2016.

- Khóa 13: Nguyễn Văn Mạn ngành Lâm sinh
- Khóa 14 gồm 5 NCS: 2 NCS ngành KHCT: Trần Minh Hòa, Lê Ngọc Thanh, 3 NCS ngành QLĐĐ: Tạ Ngọc Long, Hà Anh Tuấn, Nguyễn Thế Hoàn.

* Tổ chức bảo vệ bài tiểu luận tổng quan cho NCS khóa 15, 16 từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017.

- Khóa 15 năm 2013

+ Ngành KHCT: Đào Xuân Thanh, Đỗ Hoàng Thạch

+ Ngành KST & VSV học thú y: Bùi Văn Tú

+ Ngành QLĐĐ: Hoàng Thành Lâm

- Khóa 16 năm 2014 và khóa 17 năm 2015:

+ Ngành KHCT: Dương Ngọc Hưng, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Thu Huyền.

+ Ngành Lâm sinh: Ngô Xuân Hải, Trần Thị Hương Giang

+ Ngành QLĐĐ: Ninh Văn Quý, Phạm Xuân Thiều.

+ Ngành KHMT: Nguyễn Văn Giáp, Ngô Thị Bích Lập, Đặng Xuân Thường.

- Khóa 18 năm 2016: Toàn bộ NCS khóa 18 năm 2016

5. Tổ chức Siminar

hối hợp khoa chuyên môn tổ chức siminar cho một số NCS khóa 14, 15, 16, k17, k18 (khoa chuyên môn tổ chức thực hiện, báo cáo lịch cho Phòng Đào tạo tham dự).

6. Bảo vệ cấp cơ sở

Dự kiến bảo vệ luận án cấp cơ sở cho NCS theo khóa năm như sau:

STT	Họ tên	Ngành	Dự kiến thời gian bảo vệ
NGHIÊN CỨU SINH K13- Năm 2011			
1	Nguyễn Văn Mạn	Lâm sinh	Tháng 8/2017 đến tháng 7 năm 2018
NGHIÊN CỨU SINH K14 – Năm 2012			
1	Vũ Thị Nguyên	KHCT	Tháng 8 đến tháng 12 năm 2018
2	Trần Minh Hòa	KHCT	Tháng 8 đến tháng 12 năm 2018
3	Tạ Ngọc Long	QLĐĐ	Tháng 8 đến tháng 12 năm 2018
4	Nông Thị Thu Huyền	QLĐĐ	Tháng 8 đến tháng 12 năm 2018
5	Hà Anh Tuấn	QLĐĐ	Tháng 8 đến tháng 12 năm 2018
6	Lê Ngọc Thanh	KHCT	Tháng 8 đến tháng 12 năm 2018
NGHIÊN CỨU SINH K15 – Năm 2013			
1	Hoàng Thành Lâm	QLĐĐ	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
2	Bùi Văn Tú	KST&VSV	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
3	Đào Xuân Thanh	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
4	Đỗ Hoàng Thạch	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
NGHIÊN CỨU SINH K16 – Năm 2014			
1	Hoàng Hải Hiếu	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
2	Vi Xuân Học	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
3	Ninh Văn Quý	QLĐĐ	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
4	La Thị Cẩm Vân	KHMT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
5	Nguyễn Văn Giáp	KHMT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
6	Nguyễn Thị Minh Huệ	KHMT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019

7	Phan Chí Nghĩa	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
8	Nguyễn Mạnh Cường	KST & VSV học thú y	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
NGHIÊN CỨU SINH K17 – Năm 2015			
1	Hoàng Thị Minh Thu	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
2	Nguyễn Xuân Cường	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
3	Đặng Xuân Thường	KHMT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
4	Ngô Thị Bích Lập	KHMT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
5	Phạm Xuân Thiều	QLĐĐ	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019

2.6. Bảo vệ cấp Trường

Dự kiến bảo vệ luận án cấp Trường cho NCS theo khóa năm như sau:

STT	Họ tên	Ngành	Dự kiến thời gian bảo vệ
NGHIÊN CỨU SINH K14 – Năm 2012			
1	Vũ Thị Nguyên	KHCT	Tháng 01 đến tháng 7 năm 2019
NGHIÊN CỨU SINH K15 – Năm 2013			
1	Nguyễn Tú Huy	KHCT	Tháng 8 đến tháng 12 năm 2018
NGHIÊN CỨU SINH K16 – Năm 2014			
1	Hoàng Hải Hiếu	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
2	La Thị Cẩm Vân	KHMT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
3	Phan Chí Nghĩa	KHCT	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
4	Nguyễn Mạnh Cường	KST & VSV học thú y	Tháng 8/2018 đến tháng 7/2019
NGHIÊN CỨU SINH K17 – Năm 2015			
1	Hoàng Thị Minh Thu	KHCT	Tháng 01 đến tháng 7 năm 2019
2	Nguyễn Xuân Cường	KHCT	Tháng 01 đến tháng 7 năm 2019
3	Đặng Xuân Thường	KHMT	Tháng 01 đến tháng 7 năm 2019

KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y

Thú y K46N01,N02

- Học 11 tuần, từ 13/08 - 28/10/18 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 4 tuần, từ 29/10 - 25/11/18 Bảo vệ khóa luận khoảng 18/12 - 25/12/2018	

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	Phạm Thị Trang
2	Bệnh ở động vật thủy sản	2	Đoàn Quốc Khánh
3	Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin	2	Phạm Bằng Phương (CNSH)
4	Dược liệu	2	Dương Thị Hồng Duyên
5	Kiểm nghiệm thú sản	3	Phạm Diệu Thùy
6	Luật thú y	2	Nguyễn Thị Thúy My
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
8	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Lê Minh Châu
	Tổng cộng	**17**	

Thú y K46N03

- TTTN: 6 tháng từ 18/5 - 18/11/2018 Bảo vệ khóa luận khoảng 18/12 - 25/12/2018	

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	10	

Dược thú y K46

- TTTN: 6 tháng từ 18/5 - 18/11/2018 Bảo vệ khóa luận khoảng 18/12 - 25/12/2018	

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	10	

Chăn nuôi Thú y K47N01 (Điểm cao) - 63

- TTTN: 6 tháng từ 18/5 - 18/11/2018	- Học 11 tuần, từ 31/12/2018 - 7/4/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 8/4 - 5/5/2019 - Bảo vệ khóa luận khoảng 18/6 - 22/6/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	10	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa	2	Nguyễn Đức Trường
2	Kiểm nghiệm thú sản	2	Phạm Diệu Thùy
3	Luật thú y	2	Nguyễn Thị Thúy My
4	Ngoại - Sản thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
6	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Lê Minh Châu
7	Vệ sinh chăn nuôi	2	Nguyễn Thu Quyên
	Tổng cộng	**15**	

Chăn nuôi Thú y K47N02 (Điểm thấp) - 48

- Học 9 tuần, từ 13/08 - 14/10/18 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 16/09 - 23/09/18 - Thi 4 tuần, từ 15/10 - 7/11/18	- TTTN: 6 tháng, từ 18/11/2018 - 18/5/2019 - Bảo vệ khóa luận khoảng 18/6 - 22/6/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa	2	Nguyễn Đức Trường
2	Kiểm nghiệm thú sản	2	Lê Minh Châu
3	Luật thú y	2	Nguyễn Thị Thúy My
4	Ngoại - Sản thú y	3	Đỗ Thị Lan Phương
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
6	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Lê Minh Châu
7	Vệ sinh chăn nuôi	2	Nguyễn Thu Quyên
	Tổng cộng	**15**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	10	

Chăn nuôi Thú y K47Marpha - 38

- TTTN: 6 tháng từ 18/5 - 18/11/2018	- Học 12 tuần, từ 31/12/2018 - 28/4/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Rèn nghề 5: 3 tuần từ 25/3 - 14/4/2019 - Thi 4 tuần, từ 29/4 - 26/5/2019 - Bảo vệ khóa luận khoảng 18/6 - 22/6/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	10	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ sản xuất và chế biến thức ăn thô	2	Nguyễn Hưng Quang
2	Kiểm nghiệm thú sản	2	Phạm Diệu Thùy
3	Luật thú y	2	Nguyễn Thị Thúy My
4	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2	Dương Ngọc Dương
5	Rèn nghề 5: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho lợn, gà	2	Đỗ Trung Cứ
6	TTNN 3: Tiếp cận công nghệ sản xuất thuốc thú y, vắc xin	1	Nguyễn Thị Thùy Dương
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
8	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Lê Minh Châu
9	Vệ sinh chăn nuôi	2	Phạm Thị Phương Lan
	Tổng cộng	**17**	

Thú y K47 N01, N02, N03 - 60, 62, 62

- Học 11 tuần, từ 13/08 - 28/10/18 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 15/10 - 28/10/18 - Rèn nghề 3,4: 3 tuần từ 17/9 - 7/10/2018 - Thi 2 tuần, từ 29/10 - 11/11/18	- TTTN: 6 tháng, từ 18/11/2018 - 18/5/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Kiểm nghiệm thú sản	3	Phạm Diệu Thùy (NO1, NO2), Nguyễn Hữu Hòa (NO3)
2	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Nguyễn Thị Kim Lan (NO1), Lê Minh (NO2), Đoàn Quốc Khánh (NO3)

3	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y	2	Dương Ngọc Dương (NO1), Hoàng Hải Thanh (NO2, NO3)
4	Rèn nghề 3: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia cầm	1	Mời giảng Đỗ Trung Cứ
5	Rèn nghề 4: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc nhai lại	1	Mời giảng Đỗ Trung Cứ
6	Sản khoa thú y	3	La Văn Công
7	TTNN 3: Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	1	Phạm Thị Trang (NO1, NO2), Nguyễn Thị Thùy Dương (NO3)
8	Vệ sinh chăn nuôi	2	Nguyễn Thu Quyên (N01, N02); Phạm Thị Phương Lan (N03)
	Tổng cộng	**16**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Thú y K47N04 - 62

- Học 11 tuần, từ 13/08 - 28/10/18 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 15/10 - 28/10/18 - Rèn nghề 3,4: 3 tuần từ 17/9 - 7/10/2018 - Thi 2 tuần, từ 29/10 - 11/11/18	- Học 11 tuần, từ 31/12/2018 - 7/4/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 8/4 - 5/5/2019

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Kiểm nghiệm thú sản	3	Nguyễn Hữu Hòa
2	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Mời giảng Nguyễn Thị Bích Ngà
3	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y	2	Dương Ngọc Dương
4	Rèn nghề 3: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia cầm	1	Mời giảng Đỗ Trung Cứ
5	Rèn nghề 4: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc nhai lại	1	Mời giảng Đỗ Trung Cứ
6	Sản khoa thú y	3	Đỗ Quốc Tuấn
7	TTNN 3: Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	1	Nguyễn Thị Thùy Dương
8	Vệ sinh chăn nuôi	2	Phạm Thị Phương Lan
	Tổng cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	Phạm Thị Trang
2	Bệnh ở động vật thủy sản	2	Đoàn Quốc Khánh
3	Chăn nuôi chuyên khoa	3	Lê Minh Toàn
4	Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin	2	Phạm Bằng Phương (CNSH)
5	Dược liệu	2	Dương Thị Hồng Duyên
6	Luật thú y	2	Nguyễn Thị Thúy My
7	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Lê Minh Châu
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
	Tổng cộng	**17**	

Dược thú y K47 - 29

- Học 14 tuần, từ 13/08 - 18/11/18 - Rèn nghề 3: 3 tuần, từ 1/10 - 21/10/2018 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/9/18 - Thi 4 tuần, từ 19/11 - 16/12/18	- Học 11 tuần, từ 31/12/18 - 7/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN 2: 3 tuần từ 18/3 - 7/4/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 8/4 - 5/5/2019

Kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên giảng dạy
1	Kiểm nghiệm thú sản	3	Lê Minh Châu
2	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Lê Minh
3	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y	2	Hoàng Hải Thanh
4	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Lê Minh Châu
5	Sản khoa thú y	2	Đỗ Quốc Tuấn
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
7	Rèn nghề 3: Chẩn đoán và điều trị cho vật nuôi	2	Mời giảng Đỗ Trung Cứ
	Cộng	**16**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên giảng dạy
1	Pháp lệnh dược - thú y	2	Mời giảng Nguyễn Văn Lâm
2	Công nghệ sinh học dược phẩm	3	Khoa CNSH
3	Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin	2	Lê Minh
4	Dược liệu	3	Dương Thị Hồng Duyên
5	Công nghệ bào chế dược 2	3	Nguyễn Thị Thùy Dương

6	TTNN 2: Phòng chống dịch bệnh vật nuôi	2	Mời giảng Đỗ Thị Vân Giang
	Cộng	**15**	

Chăn nuôi Thú y K48 N02, N03 - 51, 47

- Học 17 tuần, từ 13/08 - 9/12/18 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 17/09 -30/9/18 - TTNN 1: 3 tuần từ 1/10 - 21/10/2018 - Rèn nghề 3: 3 tuần, từ 19/11 - 9/12/2018 - Thi 3 tuần, từ 10/12 - 30/12/18	- Học 11 tuần, từ 31/12/18 - 7/04/19 - TTNN 2: 3 tháng từ 31/12/2018 - 31/3/2019 - Học các môn từ 1/4 - 5/5/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 22/04 - 26/4/19 - Thi 1 tuần, từ 6/5 - 12/5/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh truyền nhiễm thú y	3	Nguyễn Thị Kim Lan
2	Bệnh nội khoa thú y	2	Phan Thị Hồng Phúc
3	Chăn nuôi gia cầm	3	Trần Thanh Vân
4	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	Hồ Thị Bích Ngọc (NO2), Trần Thị Hoan (NO3)
5	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	Nguyễn Đức Trường
6	Chăn nuôi lợn	3	Trần Văn Phùng
7	Rèn nghề 2: Kỹ năng lập kế hoạch và chăn nuôi	3	Trần Thị Hoan (NO2), Trần Văn Thăng (NO3)
8	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch	2	Mời giảng Đỗ Thị Vân Giang
	Tổng cộng	**22**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Nguyễn Thị Kim Lan (NO2), Lê Minh (NO3)
2	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2	Trương Hữu Dũng (NO2), Dương Ngọc Dương (NO3)
3	Thực hành chuyên ngành	4	Nguyễn Thu Quyên (NO2), Phạm Thị Phương Lan (NO3)
4	TTNN 2: Tổ chức, quản lý chăn nuôi trang trại	5	Hoàng Hải Thanh
	Tổng cộng	**14**	

Chăn nuôi Thú y K48 N01 - 50

- Học các môn từ 13/08 - 23/9/18 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 17/09 -23/9/18 - Thi 2 tuần, từ 24/9 - 7/10/18 - TTNN 2: 3 tháng từ 8/10 - 30/12/2018	- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 18/02 - 3/3/19 - TTNN 1: 3 tuần từ 18/3 - 7/4/2019 - Rèn nghề 3: 3 tuần, từ 8/4 - 28/4/2019 - Thi 2 tuần, từ 29/4 - 12/5/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi gia cầm	3	Nguyễn Duy Hoan
2	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2	Dương Ngọc Dương
3	Bệnh truyền nhiễm thú y	3	Nguyễn Văn Quang
4	Bệnh nội khoa thú y	2	Phan Thị Hồng Phúc
5	TTNN 2: Tổ chức, quản lý chăn nuôi trang trại	5	Mai Anh Khoa
	Tổng cộng	**15**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Đoàn Quốc Khánh
2	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	Hồ Thị Bích Ngọc
3	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	Nguyễn Đức Trường
4	Chăn nuôi lợn	3	Mời giảng Hà Thị Hảo
5	Thực hành chuyên ngành	4	Phạm Thị Phươnng Lan
6	Rèn nghề 2: Kỹ năng lập kế hoạch và chăn nuôi	3	Trần Văn Thăng
7	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch	2	Mời giảng Trương Thị Tính
	Tổng cộng	**21**	

Chăn nuôi Thú y (POHE) K48 - 47

- Học các môn từ 13/08 - 23/9/18 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 17/09 -23/9/18 - Thi 2 tuần, từ 24/9 - 7/10/18 - TTNN 2: 3 tháng từ 8/10 - 30/12/2018	- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 18/02 - 3/3/19 - Thi 2 tuần, từ 10/3 - 24/3/19 - TTNN 1: 4 tuần từ 25/3 - 21/4/2019 - Rèn nghề 3: 3 tuần, từ 22/4 - 12/5/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	Nguyễn Đức Trường
2	Bệnh nội khoa thú y	2	Phan Thị Hồng Phúc

3	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Nguyễn Thị Kim Lan
4	Chăn nuôi gia cầm (4TC)	4	Trần Thanh Vân
5	TTNN 2: Tổ chức, quản lý chăn nuôi trang trại	5	Mai Anh Khoa
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh truyền nhiễm thú y (4TC)	4	Nguyễn Văn Quang
2	Thực hành chuyên ngành	4	Mời giảng Nguyễn Thị Bích Ngà
3	Chăn nuôi lợn (4TC)	4	Mời giảng Hà Thị Hảo
4	Một sức khỏe	2	Trần Nhật Thắng
5	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2	Trương Hữu Dũng
6	Rèn nghề 2: Kỹ năng lập kế hoạch và chăn nuôi	3	Trần Thị Hoan
7	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch (4TC)	4	Mời giảng Trương Thị Tính
	Tổng cộng	**23**	

Thú y K48 N01,N02, N03 - 63, 54, 60

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/2018 - TTNN 1: 4 tuần, từ 1/10 - 28/10/2018 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 4 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 7 tuần, từ 31/12/18 - 10/3/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 2 tuần, từ 11/3 - 28/03/19 - TTNN 2: 3 tháng từ 31/3 - 2/7/2019

Kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh lý học thú y	3	Nguyễn Thị Bích Đào
2	Chẩn đoán bệnh thú y	3	Nguyễn Thị Ngân
3	Công nghệ sinh sản	2	Nguyễn Đức Hùng
4	Dịch tễ học thú y	2	Ngô Nhật Thắng
5	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	Nguyễn Hưng Quang (NO1, NO2), Từ Quang Hiển (NO3)
6	Độc chất học thú y	2	Đào Văn Cường
7	Miễn dịch học thú y	2	Đặng Xuân Bình
8	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch	4	Mời giảng Trương Thị Tính (NO1, NO2), Nguyễn Thị Bích Ngà (NO3)
	Cộng	**21**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh nội khoa thú y (3TC)	3	Phan Thị Hồng Phúc (NO1, NO2), Mời giảng Đỗ Thị Vân Giang (NO3)
2	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	Nguyễn Văn Quang (NO1, NO2), Trần Nhật Thắng (NO3)
3	Chăn nuôi chuyên khoa	4	Bùi Thị Thơm
4	TTNN 2: Tổ chức, quản lý chăn nuôi trang trại	5	Mời giảng Hà Thị Hảo
	Cộng	**16**	

Thú y K48 N04, N05, N06, N07 - 50, 57, 45, 44

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/2018 - TTNN 1: 4 tuần, từ 1/10 - 28/10/2018 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 4 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh lý học thú y	3	Nguyễn Thị Bích Đào (N04, N05); Nguyễn Văn Sửu (N06, N07)
2	Chẩn đoán bệnh thú y	3	Nguyễn Hữu Hòa
3	Công nghệ sinh sản	2	Trần Văn Thăng
4	Dịch tễ học thú y	2	Phạm T. Phương Lan (N04, N07); Ngô Nhật Thắng (N05, N06)
5	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	Từ Quang Hiển
7	Miễn dịch học thú y	2	Đặng Xuân Bình (N04, N05, N06); Ngô Nhật Thắng (N07)
8	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch	4	Mời giảng Nguyễn Thị Bích Ngà (NO4, NO5, NO6), Đỗ Thị Vân Giang (NO7)
	Cộng	**19**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh nội khoa thú y (3TC)	3	Mời giảng Trương Thị Tính (NO4, NO5), Đỗ Thị Vân Giang (NO6, NO7)
2	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	Trần Nhật Thắng (NO4, NO5, NO6), Nguyễn Thị Kim Lan (NO7)

3	Chăn nuôi chuyên khoa	4	Lê Minh Toàn (NO4, NO5), Phùng Đức Hoàn (NO6, NO7)
4	Độc chất học thú y	2	Đào Văn Cường
5	Tiếng Anh 4	3	TTNN&THUD
6	Sản khoa thú y	3	La Văn Công (NO4), Đỗ Quốc Tuấn (NO5, NO6, NO7)
	Cộng	**19**	

Dược Thú y K48 - 24

- Học 17 tuần, từ 13/08 - 9/12/18 - Rèn nghề 1: 4 tuần, từ 12/11 - 9/12/2018 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 3 tuần, từ 10/12 - 30/12/18	- Học 15 tuần, từ 31/12/18 - 5/5/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN 1: 4 tuần, từ 25/3 - 21/4/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 2/6/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh lý học thú y	3	Nguyễn Văn Sửu
2	Bệnh truyền nhiễm thú y	3	Nguyễn Văn Quang
3	Công nghệ bào chế dược 1	3	Nguyễn Thị Thùy Dương
4	Dịch tễ học thú y	2	Ngô Nhật Thắng
5	Độc chất học thú y	2	Nguyễn Quang Tính
6	Nội - Chẩn thú y	3	Dương Thị Hồng Duyên
7	Rèn nghề 1: Công nghệ sản xuất và kiểm nghiệm thuốc thú y	4	Phạm Thị Trang
	Tổng cộng	**20**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	2	Lê Minh
2	Công nghệ sinh học dược phẩm	3	Khoa CNSH (Ghép DTY49)
3	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	Đào Văn Cường
4	Marketing dược căn bản	2	Mời giảng Trần Thị Bích Hợp (Ghép DTY49)
5	Ngoại khoa thú y	2	Mời giảng Đỗ Trung Cứ
6	Pháp lệnh dược - thú y	2	Ghép DTY47
7	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch	3	Mời giảng Đỗ Thị Vân Giang
	Tổng cộng	**17**	

Chăn nuôi Thú y K49 N01 - 64

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Di truyền động vật	2	Trần Huê Viên
2	Giải phẫu động vật	3	Đặng Thị Mai Lan
3	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa cơ bản
4	Hoá sinh động vật	2	Cù Thị Thúy Nga
5	Nhà nước và Pháp luật	2	Nguyễn Minh Cảnh
6	Tiếng Anh 3	4	TTNN&THUD
7	Tổ chức và phôi thai học	2	Nguyễn Thu Trang
8	Vi sinh vật đại cương	2	Nguyễn Thị Minh Thuận
	Tổng cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	Trần Thị Hoan
2	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi (3TC)	3	Từ Trung Kiên
3	Dược lý học thú y	2	Nguyễn Quang Tính
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
5	Rèn nghề 1: kỹ năng phòng thí nghiệm	2	Dương Thị Hồng Duyên
6	Sinh lý động vật (3TC)	3	Hà Văn Doanh
	Tổng cộng	**16**	

Chăn nuôi Thú y (POHE) K49 - 65

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Di truyền động vật	2	Hồ Thị Bích Ngọc
2	Dược lý học thú y	2	Nguyễn Quang Tính
3	Giải phẫu động vật	3	Đặng T. Mai Lan
4	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa cơ bản
5	Hoá sinh động vật	2	Cù Thị Thúy Nga

6	Nhà nước và Pháp luật	2	Khoa MT
7	Tiếng Anh 3	4	TTNN&THUD
8	Tổ chức và phôi thai học	2	Nguyễn Thu Trang
	Tổng cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
2	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	Hồ Thị Bích Ngọc
3	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi (3TC)	3	Từ Trung Kiên
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
5	Rèn nghề 1: kỹ năng phòng thí nghiệm	2	Dương Thị Hồng Duyên
6	Sinh lý động vật (3TC)	3	Hà Văn Doanh
7	Thực hành cơ sở	3	Nguyễn Thị Minh Thuận
	Tổng cộng	**17**	

Thú y K49 N01,N02,N03 - 58, 52, 52

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Di truyền động vật	2	Hồ Thị Bích Ngọc (NO1, NO2), Đoàn Quốc Khánh (NO3)
2	Giải phẫu động vật	3	Đặng T. Mai Lan
3	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa cơ bản
4	Hoá sinh động vật	2	Cù Thị Thúy Nga
5	Nhà nước và Pháp luật	2	Nguyễn Minh Cảnh
6	Tiếng Anh 3	4	TTNN&THUD
7	Tổ chức và phôi thai học	2	Nguyễn Thu Trang
8	Vi sinh vật đại cương	2	Nguyễn Thị Minh Thuận (N01), Nguyễn Mạnh Cường (N02, N03)
	Cộng	**18**	

Kỳ 2

TT	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	Từ Trung Kiên (NO1, NO3), Nguyễn Hưng Quang (NO2)
2	Dược lý học thú y	3	Nguyễn Thị Thùy Dương (NO1), Nguyễn Quang Tính (NO2, NO3)

3	Đường lối CM ĐCSVN	3	Khoa cơ bản
4	Rèn nghề 1: kỹ năng phòng thí nghiệm	3	Dương Thị Hồng Duyên (NO1), Nguyễn Thị Bích Đào (N02), Nguyễn Thu Trang (N03)
5	Sinh lý động vật (3TC)	3	Hà Văn Doanh
6	Vi sinh vật thú y	2	Nguyễn Văn Sửu
	Cộng	**17**	

Dược Thú y K49 - 10

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dược động học	2	Nguyễn Thị Thùy Dương
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa cơ bản
3	Hóa dược	3	Nguyễn Thị Thùy Dương
4	Hoá sinh động vật	2	Cù Thị Thúy Nga
5	Nhà nước và pháp luật	2	Nguyễn Minh Cảnh
6	Tiếng Anh 3	4	TTNN&THUD
7	Vi sinh vật đại cương	2	Nguyễn Mạnh Cường
8	Vi sinh vật thú y	2	Nguyễn Văn Sửu
	Tổng cộng	18	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ bào chế dược phẩm	3	Nguyễn Thị Thùy Dương
2	Công nghệ sinh học dược phẩm	2	Khoa CNSH (Ghép DTY48)
3	Giải phẫu động vật	3	Nguyễn Thu Trang
4	Marketing dược căn bản	2	Mời giảng Trần Thị Bích Hợp (Ghép DTY48)
5	Sinh lý động vật (3TC)	3	Hà Văn Doanh
6	Tổ chức và phôi thai học	2	Nguyễn Thu Trang
	Tổng cộng	**15**	

KHOA MÔI TRƯỜNG

Khoa học môi trường K47N01 - 36

- TTTN: 19 tuần, từ 13/08 - 23/12/2018	- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - RN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đánh giá tác động môi trường (0)(34)	2	Dương Thị Minh Hòa
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)( )	3	Khoa CB
3	Kinh tế môi trường (0) (37)	2	Nguyễn Thị Huệ
4	Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn (15) (32)	3	Dư Ngọc Thành
5	Luật và chính sách môi trường (0) (34)	2	Nguyễn Thanh Hải
6	Mô hình hóa môi trường (6)(54)	2	Hoàng Quý Nhân
7	Rèn nghề 3: Đánh giá tác động môi trường (30) ( )	1	Trần Thị Phả
8	Thanh tra và kiểm toán môi trường (0)(33)	2	Hà Xuân Linh
9	Xây dựng và quản lý dự án (0)( )	2	Dư Ngọc Thành
	Tổng cộng	**19**	

Khoa học môi trường K47N02 - 36

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đánh giá tác động môi trường	2	Dương Thị Minh Hòa
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
3	Kinh tế môi trường	2	Nguyễn Thị Huệ
4	Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn	3	Dư Ngọc Thành
5	Luật và chính sách môi trường	2	Nguyễn Thanh Hải

6	Mô hình hóa môi trường	2	Hoàng Quý Nhân
7	Rèn nghề 3: Đánh giá tác động môi trường	1	Trần Thị Phả
8	Thanh tra và kiểm toán môi trường	2	Hà Xuân Linh
9	Xây dựng và quản lý dự án	2	Đặng Thị Hồng Phương
	Tổng cộng	**19**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Thực tập tốt nghiệp (150) (25)	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kinh tế tài nguyên môi trường K47 (Ghép với các lớp khác) - 3

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - RN 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Kinh tế tài nguyên môi trường (3TC)	3	Học ghép
2	Luật kinh tế	2	Học ghép
3	Phân tích và đánh giá chính sách trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	Học ghép
4	Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	2	Học ghép
5	Rèn nghề 4. Phương pháp tính thuế, phí môi trường	1	Học ghép
6	Rèn nghề 5. Trình tự, thủ tục ký quỹ MT	1	Học ghép
7	Thanh tra và kiểm toán môi trường	2	Học ghép
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học ghép
	Tổng cộng	**15**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Khoa học môi trường K48 - 50

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN3, RN5 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ môi trường (3TC)	3	Trần Hải Đăng
2	Ô nhiễm môi trường	2	Hà Đình Nghiêm
3	Phương pháp nghiên cứu thống kê tài nguyên môi trường	2	Dương Thị Minh Hòa
4	Quan trắc và phân tích môi trường	2	Hoàng Thị Lan Anh
5	Rèn nghề 1: Thiết kế hệ thống xây dựng quy trình và tổ chức thực hiện xử lý môi trường tại cơ sở	1	Đặng Thị Hồng Phương
6	Rừng và môi trường	2	Khoa Lâm nghiệp
7	Tài nguyên khí hậu	2	Dương Minh Ngọc
8	Thực tập nghề 2: Công nghệ môi trường trong các cơ sở sản xuất	1	Đặng Thị Hồng Phương
9	Xây dựng và quản lý dự án	2	Dư Ngọc Thành
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Độc học và môi trường (0)(41)	2	Đỗ Thị Lan
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)( )	3	Khoa Cơ bản
3	Quản lý chất thải nguy hại (0)(41)	2	Trần Hải Đăng
4	Quản lý môi trường (0)(42)	2	Nguyễn Thanh Hải
5	Quy hoạch môi trường (0)(40)	2	Hà Đình Nghiêm
6	Rèn nghề 2: Quan trắc môi trường cơ sở (30)(39)	1	Trần Thị Phả
7	Rèn nghề 4: Ứng dụng GIS thành lập bản đồ môi trường (30)(40)	2	Hoàng Quý Nhân
8	Thực tập nghề 3: Quản lý Nhà nước về Môi trường cấp cơ sở (15)(39)	1	Nguyễn Thị Huệ
	Tổng cộng	**15**	

Kinh tế tài nguyên môi trường K48 - 1 (học ghép)

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Quan trắc và phân tích môi trường	2	Hoàng Thị Lan Anh
2	Dịch vụ môi trường rừng	2	Học ghép
3	Định giá tài nguyên môi trường	2	Học ghép
4	Kinh tế vi mô II	2	Học ghép
5	Kinh tế vĩ mô II	2	Học ghép
6	Phân tích chi phí và lợi ích	2	Học ghép
7	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	2	Học ghép
8	Rèn nghề 3. Phân tích chuỗi giá trị trong hoạt động quản lý TNTN	1	Học ghép
9	Rèn nghề 2: Quan trắc môi trường cơ sở	1	Trần Thị Phả
	Tổng cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ môi trường (6)( )	2	Học ghép
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)	3	Học ghép
3	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) (8)( )	2	Học ghép
4	Kinh tế vùng và đô thị (0)( )	2	Học ghép
5	Luật & chính sách môi trường (0)( )	2	Học ghép
6	Phân tích chi phí và lợi ích (0)( )	2	Học ghép
7	Rèn nghề 2. Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên (15)( )	1	Học ghép
8	Thực tập nghề 3: Đánh giá tác động môi trường tại các doanh nghiệp (15)( )	1	Học ghép
9	Xây dựng và quản lý dự án (0)( )	2	Học ghép
	Tổng cộng	**17**	

Khoa học môi trường K49 - 20

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Cơ sở khoa học môi trường (0)(	2	Đặng Thị Hồng Phương
2	Đa dạng sinh học (0)(	2	Nguyễn Chí Hiếu
3	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá (30)(	1	Khoa CB
4	Hóa học môi trường (6)	2	Trần Thị Phả
5	Nhà nước và pháp luật (0)(	2	Nguyễn Minh Cảnh
6	Sinh học phân tử (0)(	2	Khọa CB
7	Sinh thái môi trường (0)(	2	Dương Minh Ngọc
8	Tiếng Anh 3 (0	4	TTNN&THUD
9	Vi sinh vật đại cương (MT+QLTN)	2	Dư Ngọc Thành
	Tổng cộng	**19**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Cơ sở môi trường nước (0) (25)	2	Đặng Thị Hồng Phương
2	Công nghệ sinh học (0)	2	
3	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)(8)	2	Hoàng Quý Nhân
4	Hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và MT (0)(23)	3	Phan Thị Thu Hằng
5	Phương pháp tiếp cận khoa học (0)	2	Hoàng Quý Nhân
6	Thổ nhưỡng (6)	2	
7	TTNN 1: Điều tra đánh giá hiện trạng sinh cảnh khu vực nông thôn (15)(23)	1	Hoàng Quý Nhân
	Tổng cộng	**14**	

Kinh tế tài nguyên môi trường K49 - 5 (học ghép)

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - RN,TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Cơ sở khoa học môi trường	2	Học ghép
2	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	Học ghép
3	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Học ghép
4	Nhà nước và Pháp luật	2	Học ghép
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Học ghép
6	Sinh thái môi trường	2	Học ghép
7	Tài nguyên thiên nhiên đại cương	2	Học ghép
8	Tiếng Anh 3	4	Học ghép
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dân số, tài nguyên và môi trường (0)	2	Học ghép
2	Kinh tế lượng (0)	2	Học ghép
3	Kinh tế phát triển (0)	2	Học ghép
4	Kinh tế vi mô I (0)	2	Học ghép
5	Kinh tế vĩ mô I (0)	2	Học ghép
6	Nguyên lý thống kê kinh tế (0)	2	Học ghép
7	Quản trị doanh nghiệp (0)	2	Học ghép
8	Rèn nghề 1. Định giá tài nguyên (15)	1	Học ghép
9	Thực tập nghề 1: Điều tra, đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng tài nguyên rừng (15)	1	Học ghép
	Tổng cộng	**16**	

KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN

Quản lý đất đai K47 N01, N02 (Điểm cao) - 62, 51

- TTTN: 19 tuần, từ 13/08 - 23/12/2018	- Học 15 tuần, từ 31/12/2018 - 05/05/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đánh giá tác động môi trường	2	Hoàng Thị Lan Anh
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
3	Hệ thống nông nghiệp	2	Khoa Nông học
4	Kinh tế tài nguyên môi trường	2	Trương Thành Nam
5	Khoa học phong thủy	2	Nguyễn Thế Đặng (Lớp N01); Nguyễn Ngọc Nông (lớp N02)
6	Thanh tra đất đai	2	Nguyễn Quang Thi; Nguyễn Khắc Thái Sơn
7	Xây dựng và quản lý dự án	2	Nguyễn Đức Nhuận
	Tổng cộng	**15**	

Quản lý đất đai K47 N03 (Điểm thấp) - 50

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đánh giá tác động môi trường	2	Dương Thị Minh Hòa
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
3	Hệ thống nông nghiệp	2	Khoa Nông học
4	Kinh tế tài nguyên môi trường	2	Trương Thành Nam
5	Khoa học phong thủy	2	Nguyễn Ngọc Nông
6	Thanh tra đất đai	2	Nguyễn Quang Thi
7	Xây dựng và quản lý dự án	2	Đặng Văn Minh
	Tổng cộng	**15**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Địa chính môi trường K47 - 57

- TTTN: 19 tuần, từ 13/08 - 23/12/2018	- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - RN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đánh giá tác động môi trường	2	Dương Thị Minh Hòa
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
3	Kinh tế tài nguyên môi trường	2	Trương Thành Nam
4	Pháp luật đất đai	2	Nguyễn Khắc Thái Sơn
5	Quản lý Môi trường	2	Nguyễn Thanh Hải
6	Rèn nghề 1: Thành lập bản đồ số bằng công nghệ tin học	2	Nguyễn Ngọc Anh
7	Thanh tra đất đai	2	Nguyễn Khắc Thái Sơn
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
9	Thực tập nghề nghiệp môn: Đánh giá tác động môi trường	1	Trần Thị Phả
	Tổng cộng	**18**	

Quản lý tài nguyên và môi trường K47 - 47

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN3, RN3: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ môi trường	2	Trần Hải Đăng
2	Đánh giá tác động môi trường	2	Đỗ Thị Lan

3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
4	Phương pháp nghiên cứu trong bảo tồn tài nguyên sinh vật	2	Phan Đình Binh
5	Quản lý khu bảo tồn	2	Nguyễn Thị Lợi
6	Quản lý môi trường và phát triển bền vững	2	Nguyễn Ngọc Nông
7	Quan trắc và phân tích môi trường	2	Hoàng Thị Lan Anh
8	Rèn nghề 2: Bảo tồn các chủng vsv và nấm	1	Dương Hồng Việt
9	Rèn nghề 3: Thu thập và bảo tồn nguồn gen	2	Nông Thị Thu Huyền
10	TTNN 3: Xây dựng dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên cấp cơ sở	1	Nguyễn Thị Lợi
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
12	Xây dựng và quản lý dự án	2	Nguyễn Đức Nhuận
	Tổng cộng	**23**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Quản lý đất đai K48 N01,N02 - 42, 37

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN3, RN3+4: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Bản đồ địa chính	2	Lê Văn Thơ (Lớp N01); Nguyễn Quý Ly (Lớp N02)
2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	2	Nguyễn Văn Hiểu (Lớp N01); Đàm Xuân Vận (Lớp N02)
3	Khoa học phong thuỷ	2	Nông Thị Thu Huyền
4	Quản lý hành chính về đất đai	2	Hà Anh Tuấn; Nguyễn Khắc Thái Sơn
5	Quy hoạch sử dụng đất	3	Nguyễn Đình Thi (Lớp N01); Đỗ Sơn Tùng (Lớp N02)
6	Rèn nghề 1: Thành lập bản đồ bằng công nghệ tin học	2	Nguyễn Ngọc Anh
7	Rèn nghề 2: Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ ảnh viễn thám	2	Ngô Thị Hồng Gấm (Lớp N01); Phan Đình Binh (Lớp N02)
8	Thị trường bất động sản	2	Vũ Thị Kim Hảo
9	Trắc địa ảnh & viễn thám	2	Phan Đình Binh

10	TTNN 2: Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất cấp cơ sở	1	Chu Văn Trung (Lớp N01); Nguyễn Thu Thùy (Lớp N02)
	Tổng cộng	**20**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Đăng ký, thống kê đất đai	2	Nguyễn Thùy Linh
2	Định giá đất và bất động sản	2	Nguyễn Thế Huấn
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
4	Giao đất, thu hồi đất	2	Nguyễn Quang Thi
5	Hệ thống thông tin đất (LIS)	2	Nguyễn Ngọc Anh (Lớp N01); Ngô Thị Hồng Gấm (Lớp N02)
6	Phương pháp nghiên cứu thống kê tài nguyên môi trường	2	Đàm Xuân Vận (Lớp N01); Phan Đình Binh (Lớp N02)
7	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	2	Dương Hồng Việt
8	Rèn nghề 3: Hoàn thiện các thủ tục hồ sơ về đất đai cấp cơ sở	1	Nguyễn Thị Lợi
9	TTNN 3: Công tác quản lý nhà nước về đất đai cấp cơ sở	1	Nguyễn Khắc Thái Sơn
	Tổng cộng	**17**	

Địa chính môi trường K48 - 17

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN3, RN3+4: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Công nghệ môi trường	2	Khoa Môi trường
2	Đánh giá tác động môi trường	3	Khoa Môi trường
3	Hệ thống thông tin địa lý	2	Ngô Thị Hồng Gấm
4	Pháp luật đất đai	2	Nguyễn Thùy Linh
5	Quan trắc và phân tích môi trường	3	Hoàng Thị Lan Anh
6	Quy hoạch sử dụng đất	3	Chu Văn Trung
7	Rèn nghề 1: Thành lập bản đồ bằng công nghệ tin học	2	Nguyễn Ngọc Anh
8	Rèn nghề 2: Quan trắc môi trường tại cơ sở	2	Trần Thị Phả
9	TTNN 1: Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất cấp cơ sở	1	Nguyễn Thu Thùy
	Tổng cộng	**20**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bản đồ địa chính	2	Nguyễn Quý Ly
2	Đăng ký, thống kê đất đai	2	Nguyễn Thùy Linh
3	Định giá đất và bất động sản	2	Nguyễn Thế Huấn
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
5	Luật & chính sách môi trường	2	Nguyễn Thanh Hải
6	Quản lý hành chính về đất đai	2	Hà Anh Tuấn
7	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	2	Dương Hồng Việt
8	Rèn nghề 3: Hoàn thiện các thủ tục hồ sơ về đất đai cấp cơ sở	1	Nguyễn Thị Lợi
9	TTNN 3: Công tác quản lý nhà nước về đất đai cấp cơ sở	1	Nguyễn Thùy Linh
	Tổng cộng	**17**	

Quản lý tài nguyên và Du lịch sinh thái K48 - 22

- Học 14 tuần, từ 13/08 - 18/11/18 - TTNN1 1 tuần, từ 19/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Kinh tế tài nguyên	2	Trương Thành Nam
2	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	Ngô Thị Hồng Gấm
3	Pháp luật du lịch	2	Nguyễn Thị Lợi
4	Quản lý tài nguyên đất	2	Nguyễn Khắc Thái Sơn
5	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	2	Dương Hồng Việt
6	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Hà Văn Tuyển
7	Tổng quan du lịch	2	Nguyễn Ngọc Anh
8	TTNN1: Điều tra, đánh giá tài nguyên thiên thiên	1	Nguyễn Thu Thùy
9	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	2	Nguyễn Ngọc Nông
	Tổng cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Khoa học phong thủy ứng dụng	2	Nguyễn Ngọc Nông
2	Nghiệp vụ hướng dẫn viên	2	Nông Thị Thu Huyền
3	Quản trị kinh doanh khách sạn, nhà hàng	2	Vũ Thị Thanh Thủy
4	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	Nguyễn Quang Thi
5	Rèn nghề 1: Thực tập nghiệp vụ khách sạn	2	Vũ Thị Thanh Thủy

6	Rèn nghề 3: Thiết kế và thực hiện một tour du lịch	2	Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Thu Thùy
7	Tâm lý khách du lịch	2	Phan Đình Binh
8	Văn hóa ẩm thực	2	Vũ Thị Kim Hảo
	Tổng cộng	**16**	

Quản lý đất đai K49 - 34

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
2	Nhà nước và pháp luật	2	Vương Vân Huyền
3	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Khoa KT-PTNT
4	Sinh thái môi trường	2	Khoa Nông học
5	Tiếng Anh 3	4	TTNN&THUD
6	Thổ Nhưỡng	2	Nguyễn Đức Nhuận
7	Trắc địa I	3	Vũ Thị Thanh Thủy
	Tổng cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bản đồ học	2	Nguyễn Quý Ly
2	Đánh giá đất	3	Nông Thị Thu Huyền
3	Pháp luật đất đai	2	Nguyễn Khắc Thái Sơn
4	Quy hoạch tổng thể kinh tế- xã hội	2	Đỗ Sơn Tùng
5	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	2	Ngô Thị Hồng Gấm
6	Trắc địa II	2	Lê Văn Thơ
7	TTNN 1: Đánh giá đất	1	Nông Thị Thu Huyền
	Tổng cộng	**14**	

Quản lý tài nguyên & Du lịch sinh thái K49 – 28

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - RN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy

1	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
3	Hệ thống thông tin địa lý	2	Phan Đình Binh
4	Nhà nước và Pháp luật	2	Vương Vân Huyền
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Khoa KT-PTNT
6	Thổ nhưỡng	2	Nguyễn Đức Nhuận
7	Tiếng Anh 3	4	TTNN&THUD
	Tổng cộng	**16**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Bảo tồn đa dạng sinh học	2	Dương Hồng Việt
2	Cơ sở khoa học môi trường	2	Nguyễn Thị Lợi
3	Địa lý du lịch	2	Nguyễn Đình Thi
4	Quản lý môi trường và PTBV	2	Nguyễn Ngọc Nông
5	Quản lý tài nguyên rừng	2	Dương Hồng Việt
6	Pháp luật du lịch	2	Nguyễn Thị Lợi
7	TTNN2: Đánh giá đa dạng sinh học	1	Dương Hồng Việt
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
	Tổng cộng	**15**	

KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Công nghệ sinh học K47 - 14

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	An toàn sinh học	2	Nguyễn Tiến Dũng
2	Công nghệ sinh học môi trường	2	Phạm Bằng Phương
3	Công nghệ sinh học thú y	2	Bùi Đình Lãm
4	Nuôi trồng và sản xuất nấm	2	Vi Đại Lâm
5	Quản trị doanh nghiệp	2	Khoa KT - PTNT
6	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	2	Nguyễn Thế Huấn
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Cơ bản
	Tổng cộng	**14**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp (150)(16)	10	
	Tổng cộng	**10**	

Công nghệ thực phẩm K47 - 33

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ enzyme	2	Lưu Hồng Sơn
2	Công nghệ sản xuất thức ăn gia súc	2	Nguyễn Hưng Quang (Khoa CNTY)
3	Phụ gia thực phẩm	2	Nguyễn Văn Bình
4	Quản lý chất lượng và vệ sinh ATTP	3	Vũ Thị Hạnh
5	Thực phẩm chức năng và thực phẩm truyền thống	2	Nguyễn Thị Đoàn (Nguyễn Xuân Ninh)
6	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	2	Khoa Nông Học
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Cơ bản
	Tổng cộng	**15**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp (150) (20)	10	
	Tổng cộng	**10**	

Công nghệ sinh học K48 - 15

- Học 14 tuần, từ 13/08 - 18/11/18 - RN 1 tuần, từ 19/11 - 25/11/2018 Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - RN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ lên men	2	Lương Hùng Tiến
2	Công nghệ tế bào động vật	2	Vi Đại Lâm
3	Công nghệ tế bào thực vật	3	Nguyễn Thị Tình
4	Nguyên lý kỹ thuật di truyền	4	Nguyễn Tiến Dũng
5	Nhập môn công nghệ sinh học	2	Nguyễn Xuân Vũ
6	Quy trình thiết bị trong công nghệ sinh học	2	Bùi Đình Lãm
7	Rèn nghề 2: Rèn nghề quy trình. chọn 1 trong 3 quy trình:	2	Vi Đại Lâm
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)	3	Khoa Cơ bản
2	Hóa sinh công nghiệp (15) (15)	3	Đinh Thị Kim Hoa
3	Kỹ thuật di truyền ứng dụng (0) (13)	2	Dương Văn Cường
4	Nông nghiệp công nghệ cao (0)	2	Nguyễn Tiến Dũng
5	Rèn nghề 3: Kỹ năng viết báo cáo (15) (11)	1	Nguyễn Xuân Vũ
6	Tin sinh học (22) (13)	3	Bùi Trí Thức
7	Vi sinh công nghiệp (6) (17)	2	Trần Văn Chí
	Tổng cộng	**16**	

Công nghệ thực phẩm K48 - 36

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ chế biến thịt, sữa	2	Phạm Thị Ngọc Mai
2	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	2	Nguyễn Đức Tuân
3	Kỹ thuật sấy thực phẩm	2	Phạm Thị Tuyết Mai
4	Phân tích thực phẩm	2	Nguyễn Thị Đoàn

5	Quy trình, thiết bị trong công nghệ thực phẩm 2	2	Nguyễn Văn Bình
6	Rèn nghề 2: Rèn nghề quy trình (chọn 1 trong 3 kỹ thuật)	2	BM CNTP (Dương Hữu Khoa)
7	Tối ưu hóa trong CNTP	2	Lưu Hồng Sơn
8	TTNN 1 Công nghệ sản xuất các sản phẩm động vật – thực vật	1	Phạm Thị Ngọc Mai
9	Vi sinh công nghiệp	2	Trần Văn Chí
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ bao gói thực phẩm (0)(33)	2	Trịnh Thị Chung
1	Công nghệ chế biến chè, cafe (0)(32)	2	Trịnh Thị Chung
2	Công nghệ malt và bia (0)(32)	2	Phạm Thị Tuyết Mai
3	Công nghệ sản xuất dầu thực vật (0)(33)	2	Phạm T Ngọc Mai (Dương Hữu Khoa)
4	Đánh giá cảm quan thực phẩm (15)(32)	2	Nguyễn Thị Đoàn
5	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)	3	Khoa Cơ bản
6	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (0)(33)	2	Vũ Thị Hạnh
7	Rèn nghề 3: Kỹ năng viết báo cáo (15)(28)	1	Lưu Hồng Sơn
8	TTNN2: Công nghệ sản xuất đồ uống (30)(30)	2	Phạm Thị Tuyết Mai
	Tổng cộng	**18**	

Công nghệ sau thu hoạch K48 (Ghép) - 1

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 15 tuần, từ 31/12/2018 - 05/05/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ chế biến rau quả	2	Học riêng
2	Công nghệ chế biến thịt, sữa	2	Ghép
3	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	2	Ghép
4	Kỹ thuật sấy thực phẩm	2	Ghép
5	Phân tích thực phẩm	2	Ghép
6	Quy trình, thiết bị trong công nghệ thực phẩm 2	2	Ghép
7	Rèn nghề 2: Rèn nghề quy trình (chọn 1 trong 3 kỹ thuật)	2	Ghép
8	Tối ưu hóa trong công nghệ thực phẩm	2	Ghép
9	TTNN 1: Chọn 1 trong 3 quy trình	1	Ghép
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công nghệ bao gói thực phẩm (0)	2	Ghép
2	Công nghệ chế biến chè, cà phê ( )	2	Ghép
3	Công nghệ sản xuất dầu thực vật ( )	2	Ghép
4	Công nghệ sản xuất malt và bia ( )	2	Ghép
5	Đánh giá cảm quan thực phẩm (15)	2	Ghép
6	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)	3	Ghép
7	Kỹ thuật bảo quản và chế biến ngũ cốc (6)(1)	2	Học riêng
8	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (0)	2	Ghép
9	Rèn nghề 3: Kỹ năng viết báo cáo (15)	1	Ghép
10	Công nghệ sản xuất thức ăn gia súc ( )	2	Ghép TKB ngành CNTY
11	TTNN2: Công nghệ sản xuất đồ uống (30)	2	Ghép
	Tổng cộng	**22**	

Công nghệ sinh học K49 - 25

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - RN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Di truyền đại cương	2	Nguyễn Văn Duy
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa Cơ bản
3	Hóa sinh đại cương	2	Phạm Bằng Phương
4	Miễn dịch học	2	Nguyễn Xuân Vũ
5	Nhà nước và Pháp luật	2	
6	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Trần Văn Chí
7	Sinh thái môi trường	2	
8	Tiếng Anh 3	4	TTNN&THUD
9	Vi sinh vật đại cương	2	Lương Hùng Tiến
	Tổng cộng	**19**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Sinh lý thực vật (6)	2	Khoa NH
2	Sinh lý động vật (0)	2	Khoa CNTY
3	Bảo vệ thực vật (0)	2	Khoa NH
4	Phương pháp thí nghiệm trong công nghệ sinh học (0)	2	Bùi Tri Thức
5	Sinh học bảo tồn và tiến hóa (0)	2	Nguyễn Văn Duy

6	Virus học (0)	2	Phạm Bằng Phương
7	Rèn nghề 1: Các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm (30)	2	Bùi Đình Lãm
	Tổng cộng	**14**	

Công nghệ thực phẩm K49 - 33

- Học 14 tuần, từ 13/08 - 18/11/18 - RN 1 tuần, từ 19/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dinh dưỡng học	2	Nguyễn Thị Hương/Vũ Thị Hạnh
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa Cơ bản
3	Hóa học thực phẩm	2	Phạm Thị Ngọc Mai
4	Nhà nước và Pháp luật	2	
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Trần Văn Chí
6	Rèn nghề 1: Thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm	2	Nguyễn Thị Đoàn
7	Sinh thái môi trường	2	
8	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
9	Vi sinh vật đại cương	2	Lương Hùng Tiến
	Tổng cộng	**19**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bảo quản nông sản, thực phẩm (0)	2	Vũ Thị Hạnh
2	Công nghệ lên men (0) (2)	2	Lương Hùng Tiến
3	Hóa sinh công nghiệp (15)	3	Đinh Thị Kim Hoa
4	Phân tích thực phẩm (6)	2	Nguyễn Thị Đoàn
5	Quy trình, thiết bị trong công nghệ thực phẩm 1 (0)	3	Nguyễn Văn Bình
6	Vật lý học thực phẩm (0)	2	Lưu Hồng Sơn
	Tổng cộng	**14**	

KHOA NÔNG HỌC

Trồng trọt (POHE)K47 N01 - 43

- TTTN: 19 tuần, từ 13/08 - 23/12/2018	- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - RN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn	3	Hà Minh Tuân
2	Bảo quản và chế biến nông sản	2	Khoa CNSH-CNTP
3	Cây ăn quả	3	Lương Thị Kim Oanh
4	Xây dựng và quản lý dự án	2	Nguyễn Viết Hưng
5	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	2	Đặng Thị Tố Nga
6	Kinh tế nông hộ và trang trại	2	Khoa KT-PTNT
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
8	Rèn nghề 5: Công nghệ thu hái và chế biến chè	1	Vũ Thị Nguyên
	Tổng cộng	**17**	

Trồng trọt (POHE)K47 N02 - 43

- Học 14 tuần, từ 13/08 - 18/11/18 - RN5 1 tuần, từ 19/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn	3	Hà Minh Tuân
2	Bảo quản và chế biến nông sản	2	Khoa CNSH-CNTP
3	Cây ăn quả	3	Lương Thị Kim Oanh
4	Xây dựng và quản lý dự án	2	Trần Ngọc Ngoạn
5	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	2	Nguyễn Thế Huấn
6	Kinh tế nông hộ và trang trại	2	Khoa KT-PTNT
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB

8	Rèn nghề 5: Công nghệ thu hái và chế biến chè	1	Vũ Thị Nguyên
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Trồng trọt (POHE)K48 N01, N02 - 55, 57

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh cây đại cương	2	Nguyễn Thị Mão (N01),Nguyễn Thị Phương Oanh (N02)
2	Cây chè	2	Dương Trung Dũng
3	Cây lương thực	3	Phan Thị Vân
4	Côn trùng đại cương	2	Bùi Lan Anh (N01), Lê T Kiều Oanh (N02)
5	Hóa bảo vệ thực vật	2	Dương Thị Nguyên
6	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	2	Nguyễn Minh Tuấn
7	Sản xuất cây trồng công nghệ cao	2	Hà Việt Long
8	Rèn nghề 3: Quản lý sâu bệnh hại (nhận biết côn trùng, bệnh cây, tính toán, pha, phun thuốc)	1	Bùi Lan Anh, Lê T Kiều Oanh, Nguyễn TP. Oanh
9	TTNN2: Tiếp cận và học tập kỹ thuật tiến bộ mới tại các viện nghiên cứu	1	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Văn Ngọc
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Cây hoa	2	Đặng Thị Tố Nga
2	Cây có củ	2	Hoàng Kim Diệu
3	Cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, đậu tương, mía)	2	Dương Trung Dũng (N01), Vũ Thị Nguyên (N02)
4	Cây rau	3	Hà Duy Trường, Nguyễn Thúy Hà
5	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa CB
6	Rèn nghề 4: Kỹ thuật sản xuất hạt lai bằng phương pháp lai hữu tính	1	Phạm Văn Ngọc

7	TTNN3: Ứng dụng quy trình kỹ thuật cho cây ngắn ngày (lúa, rau, lạc)	2	Vũ Thị Nguyên
	Tổng cộng	**15**	

Trồng trọt (POHE)K49 - 40

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - RN,TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Di truyền thực vật	2	Nguyễn Thị Quỳnh
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
3	Hóa sinh thực vật	2	Nguyễn Hữu Hồng
4	Nhà nước và pháp luật	2	
5	Phân loại thực vật	2	Khoa CB
6	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Vũ Thị Nguyên
7	Rèn nghề 1: Công nghệ sản xuất cây con (làm mạ, con rau giống…)	1	BM Di truyền
8	Thổ Nhưỡng	2	Dương Hồng Việt
9	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
	Tổng cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chọn tạo giống cây trồng	3	Lưu Thị Xuyến
2	Dinh dưỡng cây trồng	2	Phạm Văn Ngọc
3	Khí tượng nông nghiệp	2	Nguyễn Thị Mai Thảo
4	Rèn nghề 2: Nhân giống vô tính bằng phương pháp chiết, ghép và giâm cành	1	Hà Việt Long
5	Sinh lý thực vật (3TC)	3	Nguyễn Thị Lân
6	TTNN1: Thực tập nghề tại sản xuất các mô hình tiên tiến	1	BM sinh lý
7	Vi sinh vật đại cương	2	Nguyễn Thị Mai Thảo
	Tổng cộng	**14**	

Bảo vệ thực vật K49 - 16

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh cây đại cương	2	Nguyễn Thị Phương Oanh
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
3	Nhà nước và pháp luật	2	
4	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	BM Cây trồnghọc ghép BVTV,CNSXRHQ
5	Sinh lý thực vật	3	Nguyễn Thị Lân
6	Sinh học phân tử	2	Khoa CB
7	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
	Tổng cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	An ninh sinh học	2	Khoa CNSH-CNTP
2	Chọn tạo giống cây trồng trong BVTV	3	Trần Trung Kiên
3	Côn trùng Đại cương	2	Lê Thị Kiều Oanh
4	Công nghệ sinh học trong BVTV	2	Bùi Lan Anh
5	Động vật hại nông nghiệp	2	Nguyễn Thị Mão
6	Khí tượng Nông nghiệp	2	Nguyễn Thị Mai Thảo
7	Phương pháp nghiên cứu trong BVTV	2	Mời GV ngoài
	Tổng cộng	**15**	

Công nghệ sản xuất rau hoa và CQ K49 - 5

- Học 14 tuần, từ 13/08 - 18/11/18 - RN 1 tuần, từ 19/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - RN,TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Di truyền thực vật	2	Nguyễn Thị Quỳnh
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
3	Hóa sinh thực vật	2	Nguyễn Hữu Hồng

4	Nhà nước và pháp luật	2	
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Vũ Thị Nguyên
6	Rèn nghề 1: Chuẩn bị giá thể, đất, tính toán lượng giống (một số cây) và gieo trồng	1	Phạm Văn Ngọc
7	Thổ Nhưỡng	2	Dương Hồng Việt
8	Tiếng Anh 3	4	
	Tổng cộng	**16**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Chọn tạo giống rau hoa quả	3	Lưu Thị Xuyến
2	Giá thể và dinh dưỡng cây trồng	2	Nguyễn Hữu Hồng
3	Khí tượng nông nghiệp	2	Nguyễn Thị Mai Thảo
4	Nhập môn công nghệ rau hoa quả	2	Nguyễn Minh Tuấn
5	Rèn nghề 2: Bón phân, làm cỏ, vun gốc (tính toán lương phân bón)	1	Lương Thị Kim Oanh
6	Sinh lý thực vật	3	Nguyễn Thị Lân
7	TTNN1: Ứng dụng quy trình kỹ thuật cho cây ngắn ngày	1	Lương Thị Kim Oanh
	Tổng cộng	**14**	

KHOA LÂM NGHIỆP

Lâm nghiệp K47 - 47

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dịch vụ môi trường rừng	2	Nguyễn Thanh Tiến
2	Khoa học gỗ	2	Nguyễn Văn Thái
3	Luật và chính sách lâm nghiệp	2	Trần Thị Thanh Tâm
4	Quản lý các loại rừng và lửa rừng	2	Nguyễn Tuấn Hùng
5	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2	Nguyễn Thị Thu Hoàn
6	Sản lượng rừng	2	Vũ Văn Thông
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
	Tổng cộng	**14**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Nông lâm kết hợp K47 - 32

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bảo quản và chế biến nông lâm sản	2	Dương Văn Đoàn
2	Chăn nuôi	2	Khoa CNTY
3	Phân tích đánh giá chính sách trong quản lý TNTN	2	Trần Quốc Hưng
4	Phân bón	2	
5	Quy hoạch lâm nghiệp	2	Đặng Thu Hà
6	Rèn nghề 2: Kỹ thuật nhân giống cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm	2	
7	Trồng trọt chuyên khoa	2	Khoa Nông học
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
	Tổng cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp (150) (27)	10	
	Tổng cộng	**10**	

Quản lý tài nguyên rừng K47 - 59

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dịch vụ môi trường rừng	2	Nguyễn Thanh Tiến
2	Khai thác lâm sản	2	Nguyễn Việt Hưng
3	Khoa học gỗ	2	Nguyễn Thị Tuyên
4	Kinh tế rừng	2	Trần Công Quân
5	Quản lý lưu vực	2	Nguyễn Thi Thu Hoàn
6	Quản lý môi trường	2	Trần Thị Hương Giang
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
	Tổng cộng	**14**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp (150) (39)	10	
	Tổng cộng	**10**	

Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học K47 - 21

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Dịch vụ môi trường rừng	2	Trần Thị Thu Hà
2	Lâm sản ngoài gỗ	2	Nguyễn Thị Thoa
3	Quản lý môi trường	2	Đặng Thu Hà
4	Phân tích, đánh giá chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học	2	Trần Quốc Hưng
5	Kỹ thuật lâm sinh	2	Nguyễn Công Hoan
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa CB
	Tổng cộng	**12**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp (150) (17)	10	
	Tổng cộng	**10**	

Lâm nghiệp K48 - 15

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Rèn nghề: kéo dài cả kỳ - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Bệnh cây lâm nghiệp	2	Đặng Kim Tuyến
2	Côn trùng lâm nghiệp	2	Đặng Kim Tuyến
3	Động vật rừng	2	Nguyễn Thi Thoa
4	Điều tra rừng	2	Phạm Đức Chính
5	Kỹ thuật lâm sinh	3	Dương Văn Thảo
6	Quy hoạch lâm nghiệp	2	Đặng Thị Thu Hà
7	Rèn nghề 1: Sản xuất cây giống LN	3	Đào Hồng Thuận
8	Trồng rừng	2	Đào Hồng Thuận
9	TTNN1: Côn trùng, bệnh cây lâm nghiệp	1	Đặng Kim Tuyến, Trương Quốc Hưng
10	TTNN2: Lâm sinh - Điều tra rừng	1	Phạm Đức Chính, Nguyễn Công Hoan
	Tổng cộng	**20**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đa dạng sinh học (0) (12)	2	Hồ Ngọc Sơn
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)	3	Khoa CB
3	Khai thác lâm sản (0) (12)	2	Nguyễn Việt Hưng
4	Khuyến nông - Khuyến lâm (0) (23)	2	Le Sỹ Hồng
5	Lâm nghiệp xã hội đại cương (0) (14)	2	Nguyễn Văn Mạn
6	Nông lâm kết hợp đại cương (0) (12)	2	Đàm Văn Vinh
7	Rèn nghề 2: Thiết kế, trồng và chăm sóc rừng (50) (12)	2	Đào Hồng Thuận
8	TTNN3: Điều tra đa dạng sinh học (15) (12)	1	Lê Văn Phúc
9	Ứng dụng CNTT trong QL tài nguyên rừng (15) (12)	2	Lục Văn Cường
	Tổng cộng	**18**	

Quản lý tài nguyên rừng K48 – 29

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Rèn nghề: kéo dài cả kỳ - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Cây rừng	2	Trần Đức Thiện
2	Đa dạng sinh học	2	Nguyễn Thị Thu Hiền
3	Điều tra rừng	2	Phạm Đức Chính
4	Kỹ thuật lâm sinh	3	Nguyễn Công Hoan
5	Lâm sản ngoài gỗ	2	Nguyễn Thị Thoa
6	Quản lý và bảo vệ các loại rừng	2	Lê Sỹ Trung
7	Rèn nghề 1: Sản xuất cây giống lâm nghiệp, trồng và chăm sóc rừng	2	Đào Hồng Thuận
8	Trồng rừng	2	Đào Hồng Thuận
9	TTNN2: Cây rừng	1	Trần Đức Thiện
	Tổng cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)	3	Khoa CB
2	Luật và chính sách lâm nghiệp (0) (27)	2	Trần Thị Thanh Tâm
3	Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm (0) (27)	2	Đỗ Hoàng Chung
4	Nguyên lý bảo tồn (0) (27)	2	Hồ Ngọc Sơn
5	Phân tích, đánh giá chính sách trong quản lý tài nguyên thiên nhiên (0) (27)	2	Trần Quốc Hưng
6	Quản lý lửa rừng (0) (27)	2	Nguyễn Tuấn Hùng
7	Quy hoạch lâm nghiệp (0) (26)	2	Đặng Thị Thu Hà
8	Rèn nghề 2: Ứng dụng công nghệ thông tin giải đoán ảnh vệ tinh và biên tập bản đồ, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng (30) (27)	3	Lục Văn Cường
9	TTNN3: Nghiệp vụ hành chính kiểm lâm (15) (28)	1	Đỗ Hoàng Chung
10	Ứng dụng CNTT trong QL tài nguyên rừng (15) (27)	2	Lục Văn Cường
	Tổng cộng	**21**	

Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học K448 (Ghép) - 6

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Biến đổi khí hậu	3	Học ghép
2	Đa dạng sinh học	2	Học ghép
3	Điều tra giám sát đa dạng sinh học	2	Học ghép
4	Điều tra rừng	2	Học ghép
5	Phân tích, đánh giá chính sách trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	Học ghép
6	Quản lý các hệ sinh thái	2	Học ghép
7	Sinh thái cảnh quan	2	Học ghép
8	Tiếng anh 3	4	Học ghép
	Tổng cộng	**19**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Cây rừng (0) (7)	2	Học ghép
2	Động vật rừng (0) (6)	2	Học ghép
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (0)	3	Khoa CB
4	Lâm nghiệp xã hội đại cương (0) (7)	2	Học ghép
5	Quản lý môi trường lâm nghiệp (0) (6)	2	Học ghép
6	Rèn nghề 1: Xây dựng bộ mẫu tiêu bản động thực vật (45) (6)	1	Học ghép
7	Sinh thái rừng (0) (17)	2	Học ghép
8	Sinh thái định lượng (0) (7)	3	Học ghép
9	TTNN 1: Điều tra và thiết lập hệ thống giám sát đa dạng sinh học (15) (7)	2	Học ghép
	Tổng cộng	**19**	

Lâm nghiệp K49 - 28

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 10 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
2	Hóa sinh thực vật	2	Khoa Nông học
3	Nhà nước và pháp luật	2	
4	Phương pháp thí nghiệm trong lâm nghiệp	2	
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Đàm Văn Vinh
6	Sinh học phân tử	2	Khoa CB
7	Sinh thái môi trường	2	Dương Minh Ngọc
8	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
	Tổng cộng	**17**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Cây rừng (0)	2	Trần Đức Thiện
2	Đo đạc (15)	2	Phạm Đức Chính
3	Giống cây lâm nghiệp (0)	2	Phạm Thu Hà
4	Khí tượng Nông nghiệp (0)	2	Trương Quốc Hưng
5	Sinh lý thực vật (6)	2	Khoa NH
6	Sinh thái rừng (0)	2	La Thu Phương
7	Thổ nhưỡng (6)	2	Đặng Văn Minh
8	Thực vật học (10)	2	Đỗ Hoàng Chung
	Tổng cộng	**16**	

Quản lý tài nguyên rừng K49 - 26

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Đa dạng sinh học	2	Nguyễn Thị Thu Hiền
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
3	Nhà nước và pháp luật	2	
4	Phương pháp thí nghiệm trong lâm nghiệp	2	Nguyễn Đăng Cường
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Đàm Văn Vinh
6	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
7	Thực vật học	2	Đỗ Hoàng Chung
8	Sinh học phân tử	2	Khoa CB
	Tổng cộng	**17**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số**	**Giảng viên giảng dạy**

		TC	
1	Bệnh cây lâm nghiệp (6)	2	Đặng Kim Tuyến
2	Côn trùng lâm nghiệp (6)	2	Đặng Kim Tuyến
3	Đo đạc (15)	2	Phạm Đức Chính
4	Khí tượng nông nghiệp (0)	2	Trương Quốc Hưng
5	Lâm nghiệp xã hội đại cương (0)	2	Nguyễn Văn Mạn
6	Sinh thái rừng (0)	2	La Thu Phương
7	Sinh thái môi trường (0)	2	Nguyễn Chí Hiếu
8	TTNN1: Côn trùng - Bệnh cây lâm nghiệp (0)	1	Đặng Kim Tuyến, Trương Quốc Hưng
	Tổng cộng	**15**	

KHOA KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Khuyến nông K47 - 12

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18		- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)	
Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Giới và phát triển	2	Bùi Minh Hà
2	Lâm sinh tổng hợp	2	
3	Quản lý nông trại	2	Hà Quang Trung
4	Sản phẩm hàng hoá và thương hiệu	2	Nguyễn Thị Châu
5	Tài chính tín dụng nông thôn	2	Đỗ Thị Hà Phương
6	Thú y chuyên khoa	2	
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	Tổng cộng	**14**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kinh tế nông nghiệp K47 N01 (Điểm cao) - 58

- TTTN: 19 tuần, từ 13/08 - 23/12/2018		- Học 14 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - RN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19	
Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	
Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Luật kinh tế	2	Dương Xuân Lâm
2	Phương pháp Khuyến nông	2	Nguyễn Mạnh Thắng
3	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2	Đỗ Trung Hiếu
4	Quản trị doanh nghiệp	2	Nguyễn Mạnh Hùng
5	Rèn nghề 4: Hoạch toán kế toán bằng phần mềm kế toán máy	1.5	Chu Thị Hà
6	Sản phẩm hàng hoá và thương hiệu	2	Nguyễn Thị Châu
7	Thương mại quốc tế	2	Nguyễn Thị Hiền Thương
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

9	Xây dựng và quản lý dự án	2	Nguyễn Quốc Huy
	Tổng cộng	**17.5**	

Kinh tế nông nghiệp K47 N02 (Điểm thấp) - 58

- Học 14 tuần, từ 13/08 - 18/11/18 - RN 1 tuần, từ 19/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Luật kinh tế	2	Dương Xuân Lâm
2	Phương pháp Khuyến nông	2	Lành Ngọc Tú
3	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2	Bùi Đình Hòa
4	Quản trị doanh nghiệp	2	Nguyễn Mạnh Hùng
5	Rèn nghề 4: Hoạch toán kế toán bằng phần mềm kế toán máy	1.5	Chu Thị Hà
6	Sản phẩm hàng hoá và thương hiệu	2	Nguyễn Thị Châu
7	Thương mại quốc tế	2	Lê Minh Tú
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa cơ bản
9	Xây dựng và quản lý dự án	2	Nguyễn Quốc Huy
	Tổng cộng	**17.5**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Phát triển nông thôn K47 N01 (Điểm cao) - 43

- TTTN: 19 tuần, từ 13/08 - 23/12/2018	- Học 15 tuần, từ 31/12/2018 - 05/05/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Khởi tạo và phát triển doanh nghiệp	2	Dương Hoài An
2	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	2	Đinh Ngọc Lan
3	Lâm sinh tổng hợp	2	

4	Marketing nông nghiệp	2	Đỗ Hoàng Sơn
5	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	Kiều Thị Thu Hương
6	Sản phẩm hàng hoá và thương hiệu	2	Bùi Đình Hòa
7	Tài chính tín dụng nông thôn	2	Đỗ Xuân Luận
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	Tổng cộng	**16**	

Phát triển nông thôn K47 N02 (Điểm thấp) – 44

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- TTTN: 19 tuần, từ 31/12/2018 - 27/05/2019)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Khởi tạo và phát triển doanh nghiệp	2	Dương Hoài An
2	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	2	Đinh Ngọc Lan
3	Lâm sinh tổng hợp	2	
4	Marketing nông nghiệp	2	Đỗ Hoàng Sơn
5	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	Lưu Thị Thùy Linh
6	Sản phẩm hàng hoá và thương hiệu	2	Nguyễn Thị Châu
7	Tài chính tín dụng nông thôn	2	Đỗ Thị Hà Phương
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	Tổng cộng	**16**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Kinh tế nông nghiệp K48 - 54

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi	2	
2	Luật kinh tế	2	Dương Xuân Lâm
3	Nguyên lý kế toán	2	Trần Bích Hồng
4	Nguyên lý thống kê (3TC)	3	Bùi Thị Thanh Tâm
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Lưu Thị Thùy Linh

6	Rèn nghề 1: Thực hiện một số thao tác cơ bản về kỹ thuật trồng trọt, sản xuất giống cây	1	
7	Rèn nghề 2: Thực hiện một số thao tác cơ bản về kỹ thuật chăn nuôi	1	
8	Tài chính tín dụng nông thôn	2	Đỗ Xuân Luận
9	Trồng trọt	2	
10	TTNN 2: Đánh giá hiện trạng nông nghiệp, nông thôn và xây dựng đề án	1	Đỗ Trung Hiếu
	Tổng cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa Cơ bản
2	Kế toán doanh nghiệp	3	Chu Thị Hà
3	Kinh tế hộ và trang trại	2	Đỗ Trung Hiếu
4	Kinh tế nông nghiệp	3	Đỗ Hoàng Sơn
5	Marketing nông nghiệp	2	Đỗ Hoàng Sơn
6	Rèn nghề 3: Sử dụng phần mềm máy tính SPSS để phân tích dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội	1.5	Đỗ Thị Hà Phương
7	Thống kê nông nghiệp	2	Đoàn Thị Mai
8	TTNN 3: Đánh giá hiệu quả kinh tế các mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp	1	Đỗ Thị Hà Phương
	Tổng cộng	**17.5**	

Phát triển nông thôn K48 - 34

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - Kiểm tra giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi	2	Khoa CNTY
2	Kinh tế vĩ mô I	2	Nguyễn Thị Yến
3	Phương pháp Khuyến nông	2	Bùi Minh Hà
4	Quản lý nông trại	2	Hà Quang Trung
5	Rèn nghề 2: Tìm hiểu vườn ươm lâm nghiệp, nông nghiệp	2	Đặng Thị Bích Huệ
6	Rèn nghề 3: Tìm hiểu hệ thống sản xuất chăn nuôi	1	Trần Việt Dũng

7	Thống kê kinh tế xã hội	2	Bùi Thị Thanh Tâm
8	Trồng trọt	2	Khoa NH
9	TTNN 2: Phân tích chính sách nông thôn	1	Nguyễn Văn Tâm
10	Xây dựng và quản lý dự án	2	Nguyễn Quốc Huy
	Tổng cộng	**18**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Công tác xã hội trong PTNT	2	Nguyễn Thị Giang
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa cơ bản
3	Giới và phát triển	2	Trần Thị Ngọc
4	Kế toán doanh nghiệp	3	Trần Bích Hồng
5	Nghiên cứu phát triển nông thôn	2	Đặng Thị Bích Huệ
6	Quản lý môi trường	2	Nguyễn Thanh Hải
7	Rèn nghề 4: Tìm hiểu hệ thống sản xuất trồng trọt, lâm nghiệp	2	Nguyễn Văn Tâm
8	Thống kê nông nghiệp	2	Đoàn Thị Mai
9	TTNN 3: Xây dựng đề án dự án nông thôn cho 1 xã	1	Trần Việt Dũng
	Tổng cộng	**19**	

Khuyến nông K48 - 9

- Học 13 tuần, từ 13/08 - 11/11/2018 - TTNN, RN: 2 tuần, từ 12/11 - 25/11/2018 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 17/09 - 30/09/2018 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/2018	- Học 13 tuần, từ 31/12/18 - 21/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - TTNN, RN 2 tuần, từ 22/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 2 tuần, từ 25/02 - 10/03/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi chuyên khoa	2	Khoa CNTY
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Khoa cơ bản
3	Làm vườn đại cương	2	
4	Lập kế hoạch khuyến nông	3	Trần Thị Ngọc
5	Phương pháp đào tạo người lớn tuổi	2	Nguyễn Hữu Thọ
6	Phương pháp khuyến nông (3TC)	3	Dương Thị Thu Hoài
7	Rèn nghề 2: Các kỹ thuật chăn nuôi	1.5	
8	Thống kê kinh tế xã hội	2	Bùi Thị Thanh Tâm
9	Trồng trọt chuyên khoa	2	Khoa NH
10	TTNN 2: Đánh giá nhu cầu và đề xuất can thiệp khuyến nông	1	Bùi Thị Minh Hà
	Tổng cộng	**21.5**	

Kỳ 2			
STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Khởi tạo và phát triển doanh nghiệp	2	Dương Hoài An
2	Khuyến nông theo định hướng thị trường	3	Nguyễn Mạnh Thắng
3	Phương pháp đào tạo cán bộ tập huấn	2	Nguyễn Mạnh Thắng
4	Rèn nghề 3: Các kỹ năng về khuyến nông	2	Dương Thị Thu Hoài
5	Thông tin truyền thông khuyến nông	2	Trần Thị Ngọc
6	Tổ chức công tác khuyến nông	2	Lành Ngọc Tú
7	TTNN 3: Tổ chức thực hiện huấn luyện đào tạo nông dân	1	Nguyễn Mạnh Thắng
8	Xây dựng và quản lý dự án	2	Nguyễn Quốc Huy
	Tổng cộng	**16**	

Kinh tế nông nghiệp K49 - 40

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1			
STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
2	Kinh tế lượng	2	Lê Minh Tú
3	Kinh tế vi mô I	2	Nguyễn Thị Yến
4	Kinh tế vĩ mô I	2	Vũ Thị Hải Anh
5	Nhà nước và Pháp luật	2	Cù Ngọc Bắc
6	Đánh giá nông thôn	2	Nguyễn Đức Quang
7	Sinh thái môi trường	2	
8	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2			
STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chính sách phát triển nông thôn	2	Nguyễn Thị Giang
2	Kinh tế phát triển nông thôn	2	Nguyễn Thị Hiền Thương
3	Kinh tế vi mô II	2	Hồ Lương Xinh
4	Kinh tế vĩ mô II	2	Vũ Thị Hải Anh
5	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	Nguyễn Thị Yến
6	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	2	Dương Văn Sơn
7	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	Kiều Thị Thu Hương
8	TTNN 1: Tiếp cận cộng đồng nông thôn	1	Nguyễn Thị Hiền Thương
	Tổng cộng	**15**	

Phát triển nông thôn K49 - 11

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Xã hội học nông thôn	2	Dương Thị Thu Hoài
2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
3	Kinh tế vi mô I	2	Hồ Lương Xinh
4	Nhà nước và pháp luật	2	Cù Ngọc Bắc
5	Phát triển cộng đồng	2	Đặng Thị Bích Huệ
6	Phát triển nông thôn	2	Nguyễn Văn Tâm
7	Sinh thái môi trường	2	
8	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chiến lược và kế hoạch phát triển nông thôn	2	Cù Ngọc Bắc
2	Chính sách phát triển nông thôn	2	Nguyễn Thị Giang
3	Đánh giá nông thôn	2	Hà Thị Hòa
4	Kinh tế phát triển nông thôn	2	Nguyễn Thị Hiền Thương
5	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	2	Dương Văn Sơn
6	Phương pháp tiếp cận khoa học	1	Lưu Thuỳ Linh
7	Rèn nghề 1: Phân tích hệ thống tổ chức sản xuất của một doanh nghiệp/HTX	1	Nguyễn Văn Tâm
8	TTNN 1: Phân tích hiện trạng nông thôn	2	Trần Việt Dũng
	Tổng cộng	**14**	

Khuyến nông K49 - 3

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 9 tuần, từ 31/12/18 - 28/04/19 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/19 - Học GDQP 5 tuần, từ 18/02 - 24/03/2019 - TTNN 1 tuần, từ 29/04 - 05/05/19 - KT giữa kỳ 1 tuần, từ 01/04 - 07/04/19 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/19

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chăn nuôi đại cương	2	Khoa CNTY

2	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá	1	Khoa CB
3	Nhà nước và pháp luật	2	Cù Ngọc Bắc
4	Phát triển cộng đồng	2	Trần Việt Dũng
5	Sinh thái môi trường	2	
6	Tiếng Anh 3	4	TT Tin học và ứng dụng
7	Trồng trọt đại cương	2	Khoa NH
8	Xã hội học nông thôn	2	Dương Thị Thu Hoài
	Tổng cộng	**15**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Chính sách phát triển nông thôn	2	Nguyễn Thị Giang
2	Đánh giá nông thôn	2	Trần Việt Dũng
3	Kinh tế phát triển nông thôn	2	Nguyễn Thị Hiền Thương
4	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	2	Dương Văn Sơn
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Lưu Thuỳ Linh
6	Rèn nghề 1: Các kỹ thuật trồng trọt	1.5	
7	Tâm lý nông dân	2	
8	TTNN 1: Tìm hiểu kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ yếu tại địa phương	1	Lưu Thuỳ Linh
	Tổng cộng	**14.5**	

KHOA CƠ BẢN

K50

- Học 13 tuần từ tuần 1-13 (14/08 - 11/11/2017) - Kiểm tra giữ kỳ tuần 7-8 (25/09 - 08/10) - Thi 5 tuần từ 14-18 (12/11 - 17/12/2017)	- Học 13 tuần từ tuần 20-35 (25/12/2017 - 15/04/2018) - Nghỉ tết 3 tuần từ tuần 27-29 (12/02-04/03/2018) - Kiểm tra giữ kỳ tuần 25-26 (29/01 - 11/02/2018) - Thi 5 tuần 36-40 (16/04 - 20/05/2018)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Ghi chú
1	Giáo dục thể chất 1: Thể dục	1	15 lớp
2	Hóa học	4	15 lớp
3	Nguyên lý 1 (Triết học Mác- Lênin)	2	7 lớp
4	Toán cao cấp 1	2	15 lớp
5	Vật lý	2	15 lớp
6	Tiếng Anh 1	3	60 sv/lớp; 15 lớp
7	Xã hội học đại cương	2	15 lớp
9	Sinh thái môi trường	2	15 lớp
	Tổng cộng	**18**	

Phân công giáo viên kỳ 1:

Môn Toán Cao cấp:

1/ Vũ Thị Thu Loan: 02 lớp: N01, N02
2/ Vi Diệu Minh: 02 lớp: N03, N04
3/ Bùi Linh Phượng: 02 lớp: N05, N06
4/ Phạm Thanh Hiếu: 02 lớp: N07, N08
5/ Nguyễn Thị Dung: 02 lớp: N09, N10
6/ Mai Thị Ngọc Hà: 02 lớp: N11, N12
7/ Nguyễn Thị Hồng Nhung: 02 lớp: N13, N14
8/ Mai Thị Ngọc An: 01 lớp: N15

Môn Vật lý:

1/ Kiều Văn Hòa: 10 lớp, từ N01 đến N10
2/ Nguyễn Thị Thu Hằng: 5 lớp, từ N11 đến N15

MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

1. Phạm Tiến Dũng : 1 lớp
2. Nguyễn Trường Giang : 2 lớp
3.Nguyễn Khánh Quang : 5 lớp
4. Bùi Minh Tuấn : 4 lớp
5 Dương Thế Hiển : 3 lớp

Môn Xã hội học ĐC:

1. Dương Thùy Trang 3 lớp
2. Nguyễn Đỗ Hương Giang 7 lớp
3. Cao Đức Minh 5 lớp

Môn Hóa:
1. Đào Việt Hùng : 3 lớp
2. Lành Thị Ngọc: 3 lớp
3.Nguyễn Thị Hoa : 3 lớp
4. Vũ Thị Thu Lê : 1 lớp
5 Nguyễn Thị Thủy : 1 lớp
6. Nguyễn Thị Mai: 3 lớp
7. Trần Thị Thùy Dương: 1 lớp

Môn Nguyên lý 1:
1. Nguyễn Thị Thúy : 3 lớp
2. Nguyễn Thị Huyền: 3 lớp
3. Lê Quốc Tuấn: 1 lớp

Môn TT HCM
1 Ngô Thị Mây Ước : 7 lớp
2. Dương Thế Phùng: 3 lớp

Kỳ 2			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	GDTC 2: Bóng chuyền/GDTC3: Bóng đá	1	15 lớp
2	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)	3	7 Lớp
3	Sinh học phân tử	2	15 lớp
4	Tiếng Anh 2	2	60 sv/lớp; 15 lớp
5	Xác suất- Thống kê	3	15 lớp
6	Sinh học đại cương	2	15 lớp
7	Kỹ năng mềm	2	15 lớp
8	Tin học đại cương	3	15 lớp
	Tổng cộng	**18**	

Phân công giáo viên kỳ 2

<u>Môn Xác suất thống kê:</u>
1/ Vũ Thị Thu Loan: 02 lớp: N01, N02
2/ Vi Diệu Minh: 02 lớp: N03, N04
3/ Bùi Linh Phượng: 02 lớp: N05, N06
4/ Phạm Thanh Hiếu: 02 lớp: N07, N08
5/ Nguyễn Thị Dung: 02 lớp: N09, N10
6/ Mai Thị Ngọc Hà: 02 lớp: N11, N12
7/ Nguyễn Thị Hồng Nhung: 02 lớp: N13, N14
8/ Mai Thị Ngọc An: 01 lớp: N15

MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

1. Nguyễn Trường Giang : 4 lớp
2.Nguyễn Khánh Quang : 3 lớp
3. Bùi Minh Tuấn : 4 lớp
4. Dương Thế Hiển : 4 lớp

Môn Nguyên lý 2:

1. Nguyễn Thị Thúy : 3 lớp
2. Nguyễn Thị Huyền: 3 lớp
3. Lê Quốc Tuấn: 1 lớp

Môn ĐLCM

1. Dương Thị Kim Huệ; 3 lớp
2. Ngô Thị Quang: 3 lớp
3. Phạm Tùng Hương: 4 lớp

Môn Tin học đại cương

1. Nguyễn Ngọc Lan
2. Hứa Thị Toàn
3. Đinh Thị Thanh Uyên

Môn Sinh học phân tử

Trần Minh Khương: 7 lớp
Khoa CNSH: 8 lớp

Môn Sinh học đại cương

Mai Hoàng Đạt: 02 lớp
Phạm Thị Thanh Vân: 7 lớp
Nguyễn Thị Mai: 6 lớp

VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Khoa học và quản lý môi trường K47 - 40

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 15 tuần, từ 31/12/2018 - 05/05/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Ecotourism / Du lịch sinh thái	2	Wilhelm Steingrube
2	Environmental Impact Assessment/ Đánh giá tác động môi trường	3	Hồ Ngọc Sơn
4	Resource Sciences Internship/Thực tập nghề khoa học tài nguyên	1	Nguyễn Văn Hiểu
5	Integrating Environmental Science and Management/ Lồng ghép Khoa học và Quản lý môi trường	2	Arinafil
6	Global Environmental Interactions/ Tương tác môi trường toàn cầu	3	Nguyễn Thị Hà
7	Writing in Profession: Science/ Viết Chuyên ngành Khoa học	3	Hoàng Hải Thanh
8	Ethics and the Environment/ Khía cạnh đạo đức trong môi trường	3	Nikki Dagamac
	Tổng cộng	**17**	

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Graduation thesis/ Đề tài nghiên cứu tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	**10**	

Khoa học và quản lý môi trường K48 CTTT - 18

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 15 tuần, từ 31/12/2018 - 05/05/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/2019

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Fundamental soft skills for students/ Kỹ năng mềm cho SV	2	Lý Thị Thùy Dương
2	Introduction to Geographic Information Systems/ Hệ thống thông tin địa lý	3	Đàm Xuân Vận

3	Introduction to Biology: Principles of Ecology and Evolution/ Sinh học đại cương: Sinh thái và Tiến hóa (BIS 2B)	2	Phạm Bằng Phương
4	Applied Statistics for Biological Sciences/ Thống kê ứng dụng trong sinh học	3	Phạm Thanh Hiếu
5	Climate Change/ Biến đổi khí hậu	2	Hồ Ngọc Sơn
6	General Ecology/ Sinh thái đại cương	3	Nikki Dagamiac
7	Water and Society/ Nước và xã hội	2	Arinafil
8	Research Data Management / Quản lý dữ liệu nghiên cứu	1	Nikki Dagamac
	Tổng cộng	**18**	
Ghi chú: Lớp K48 KH&QLMT học cùng lớp K48 ngành công nghệ thực phẩm CTTT			
Kỳ 2:			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Trees and Forests/ Cây và rừng	2	
2	Environmental Impact Assessment/ Đánh giá tác động môi trường	3	Hồ Ngọc Sơn
3	Urban Ecology/ Sinh thái đô thị	2	Nguyễn Thanh Hải
4	Aerial photo interpretation and remote sensing/ Giải đoán ảnh không gian và viễn thám	2	Nguyễn Văn Hiếu
5	Principles of Soil Science/ Nguyên lý khoa học đất	3	Nguyễn Thế Hùng
6	Revolutionary Orientation and Policies of Vietnamese Communist Party/ Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Dương Thị Kim Huệ
7	Soils in Land Use and the Environment /Sử dụng đất và môi trường	3	Phan Đình Binh
	Tổng cộng	**18**	

Công nghệ thực phẩm CTTT K48 - 23

- Học 15 tuần, từ 13/08 - 25/11/18 - Kiểm tra giữ kỳ 2 tuần, từ 24/09 - 07/10/18 - Thi 5 tuần, từ 26/11 - 30/12/18	- Học 15 tuần, từ 31/12/2018 - 05/05/2019 - Nghỉ tết 3 tuần, từ 28/01 - 17/02/2019 - KT giữ kỳ 2 tuần, từ 04/03 - 17/03/2019 - Thi 4 tuần, từ 06/05 - 02/06/2019

Kỳ 1			
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Fundamental soft skills for students/ Kỹ năng mềm cho SV	2	Lý Thị Thùy Dương
2	Introduction to Nutrition/Dinh dưỡng	2	
3	Corporations and Society/ Xã hội học	2	
4	Organic Chemistry/ Hóa hữu cơ	3	

5	General Biochemistry/ Hóa sinh đại cương	3	
6	Scientific Approach Methodology/ Phương pháp tiếp cận KH	2	
7	Food Engineering/ Các Quá trình cơ bản trong CNTP	3	
8	Principles of Quality Assurance in Food Processing/Nguyên lý đảm bảo chất lượng trong chế biến thực phẩm	2	
	Tổng cộng	**19**	

Ghi chú: Lớp K48 ngành Khoa học và quản lý môi trường học cùng lớp K48 ngành công nghệ thực phẩm CTTT

Kỳ 2

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Revolutionary Orientation and Policies of Vietnamese Communist Party/ Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Dương Thị Kim Huệ
2	Food Microbiology / Vi sinh thực phẩm	2	
3	Food Microbiology Lab / Thực hành vi sinh thực phẩm	2	
4	Food Chemistry / Hoá thực phẩm	2	
5	Food Chemistry Laboratory / Thực hành hoá thực phẩm	1	
	Food Properties / Thuộc tính thực phẩm	2	
	Food Properties Lab / Thực hành thuộc tính thực phẩm	1	
6	Heat and Mass Transfer in Food Processing / Truyền nhiệt và chuyển khối trong công nghệ Thực phẩm	2	
7	Science of Food Sensory /Khoa học cảm quan thực phẩm	2	
	Tổng cộng	**17**	

Khoa học & Quản lý môi trường K49 - 14 (Học cùng K49 CNTP)

Kỳ 1

STT	Môn học	Số TC	Giảng viên giảng dạy
1	Introduction to Public Speaking/ Diễn thuyết đại cương	3	Trần Lưu Hùng
2	Introduction to Biology: Essentials of Life on Earth/ Sinh học đại cương: Bản chất của cuộc sống trên Trái đất (BIS	2	Phạm Bằng Phương

	2A)		
3	General Chemistry/ Hóa học đại cương 1	2	Vương Trường Xuân
4	General Physics/ Vật lý đại cương 1	2	Trần Khánh
5	Short Calculus/ Toán giải tích 1	2	Nguyễn Thị Dung
6	General Informatics – IC3/ Tin học - IC3	3	Nguyễn Văn Hiểu
7	Revolutionary Orientation and Policies of Vietnamese Communist Party/ Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Dương Thị Kim Huệ
8	Elementary Vietnamese/ Tiếng việt cơ bản	2	Lý Thị Thùy Dương
9	Intermediate Vietnamese/ Tiếng Việt Trung cấp	3	Nguyễn Thị Yến Nga
	Tổng cộng:	**22**	
	Kỳ 2		
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	General Chemistry/ Hóa học đại cương 2	2	Vương Trường Xuân
2	General Physics/ Vật lý đại cương 2	2	Trần Khánh
3	Short Calculus/ Toán giải tích 2	2	Nguyễn Thị Dung
4	HoChiMinh's Ideology/ Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa cơ bản
5	Elementary Statistics/ Thống kê đại cương	2	Phạm Thanh Hiếu
6	Principles of Microeconomics/ Kinh tế vi mô	2	Đỗ Xuân Luận
7	Introduction to Environmental Science/ Nhập môn Khoa học môi trường	3	Nguyễn Thanh Hải
8	Introduction to Biology: Principles of Ecology and Evolution/ Sinh học đại cương: Sinh thái và Tiến hóa (BIS 2B)	2	Phạm Bằng Phương
	Tổng cộng:	**17**	

Công nghệ thực phẩm K49 (CTTT) - 15 (học cùng 49 KH&QLMT)

Kỳ 1

STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	Introduction to Public Speaking/ Diễn thuyết đại cương	3	Trần Lưu Hùng
2	Introduction to Biology: Essentials of Life on Earth/ Sinh học đại cương: Bản chất của cuộc sống trên Trái đất	2	Phạm Bằng Phương
3	General Chemistry/ Hóa học đại cương 1	2	Phạm Thị Tuyết Mai

4	General Physics/ Vật lý đại cương 1	2	Lương Hùng Tiến
5	Short Calculus/ Toán giải tích 1	2	Nguyễn Thị Dung
6	General Informatics – IC3/ Tin học - IC3	3	Nguyễn Văn Hiểu
7	Revolutionary Orientation and Policies of Vietnamese Communist Party/ Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Dương Thị Kim Huệ
8	**Tổng cộng:**	**17**	
	Kỳ 2		
STT	**Môn học**	**Số TC**	**Giảng viên giảng dạy**
1	General Chemistry/ Hóa học đại cương 2	2	Vương Trường Xuân
2	General Physics/ Vật lý đại cương 2	2	Trần Khánh
3	Short Calculus/ Toán giải tích 2	2	Nguyễn Thị Dung
4	Elementary Statistics/ Thống kê đại cương	2	Phạm Thanh Hiếu
5	Principles of Microeconomics/ Kinh tế vi mô	2	Đỗ Xuân Luận
6	Introduction to Food science and Technology/ Đại cương về khoa học thực phẩm	2	Đinh Thị Kim Hoa/ Lương Hùng Tiến
7	Introduction to Biology: Principles of Ecology and Evolution/ Sinh học đại cương: Sinh thái và Tiến hóa (BIS 2B)	2	Phạm Bằng Phương
8	HoChiMinh's Ideology/ Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Ngô Thị Mây Ước
	Tổng cộng:	**16**	

III. Hệ vừa làm vừa học

3.1. Khóa học, ngành học và quy mô sinh viên

Năm học 2018 – 2019 các lớp đang đào tạo gồm từ Khóa 46 đến Khóa 50 *(tuyển sinh năm 2015 - 2018)* với qui mô là 2.083 học viên với các ngành học, tên lớp và số lượng sinh viên và địa điểm học cụ thể như sau (một số lớp đã nhận đề tài nhưng chưa hoàn thành chương trình):

TT	TÊN LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ	Cơ sở liên kết
Khóa 46, tuyển sinh năm 2016 (160 sinh viên)			
Nông lâm kết hợp		**143**	
1	HGA-DNLKH46	91	TT Giáo dục TX tỉnh Hà Giang
4	CBB-DNLKH46	52	Trung cấp KT - KT Cao Bằng
Lâm nghiệp		**17**	

1	HND-DLN46	17	Trường CB QL NN&PTNT I HN
Khóa 47, tuyển sinh năm 2017 (363 sinh viên)			
Liên thông Quản lý đất đai		**20**	
1	LSB-TQLDD47	20	Trung cấp Cộng đồng Hà Nội
Quản lý đất đai		**89**	
1	YBA-DQLDD47	67	TT Giáo dục TX tỉnh Yên Bái
2	NL-DQLDD47N01	22	Tr ĐHNL Thái Nguyên
Nông lâm kết hợp		**102**	
1	LChA-DNLKH47	44	TT GDTX – HN tỉnh Lai Châu
2	THC-DNLKH47	33	Cao đẳng Nông Lâm Thanh Hóa
3	CBB-DNLKH47	25	Trung cấp KT – KTCao Bằng
Thú y		**15**	
1	HNB-DTY47N01	15	Trung cấp Thái Nguyên
Liên thông Thú y		**14**	
1	HNB-TTY47N01	14	Trung cấp Thái Nguyên
Liên thông Trồng trọt		**52**	
2	NL-TTT47N01	52	Tr ĐHNL Thái Nguyên
Kinh tế nông nghiệp		**68**	
1	YBA-DKTNN47	68	TT Giáo dục TX tỉnh Yên Bái
VB2 Quản lý đất đai		**3**	
1	LSB-BQLDD47	3	Trung cấp Cộng đồng Hà Nội
Khóa 48, tuyển sinh năm 2018 (554 sinh viên)			
Liên thông Quản lý đất đai		**129**	
1	DBC-TQLDD48	48	Cao đẳng cộng đồng Điện Biên
3	NL-TQLDD48N02	16	Trường ĐHNL Thái Nguyên
5	NL-TQLDD48N01	7	Trường ĐHNL Thái Nguyên
7	NL-TQLDD48N03	17	Trường ĐHNL Thái Nguyên
10	CBB-TQLDD48	41	Trung cấp KT - KT Cao Bằng
Liên thông Trồng trọt		**187**	
1	NL-CTT48N01	7	Trường ĐHNL Thái Nguyên
2	LCC-TTT48	35	Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai
3	DBC-TTT48TC	42	Cao đẳng KT - KT Điện Biên
4	DBC-TTT48	28	Cao đẳng KT - KT Điện Biên
5	CBB-TTT48	55	Trung cấp KT - KT Cao Bằng
6	NL-TTT48N01	20	
Liên thông Chăn nuôi Thú y		**28**	
1	NL-TCNTY48N01	12	Trường ĐHNL Thái Nguyên
3	SLC-TCNTY48	16	Cao đẳng Nông Lâm Sơn La
Liên thông Thú y		**55**	
1	NL-TTY48N01	14	Trường ĐHNL Thái Nguyên
2	NL-CTY48N01	5	Trường ĐHNL Thái Nguyên
3	NL-TTY48N02	2	Trường ĐHNL Thái Nguyên
4	NL-CTY48N02	34	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Thú y		**8**	
1	NL-DTY48N01	8	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Liên thông Lâm nghiệp		**70**	

1	DLB-CLN48	1	Trung cấp Trường Sơn
2	SLC-TLN48	27	Cao đẳng Nông Lâm Sơn La
3	QBC-TLN48	22	Cao đẳng KT CNN Quảng Bình
4	DLB-TLN48	20	
Chăn nuôi thú y		**24**	
1	SLC-DCNTY48	2	Cao đẳng Nông Lâm Sơn La
2	LC-DCNTY48SMC	22	Phân Hiệu ĐHTN tại Lào Cai
Trồng trọt		**41**	
1	SLA-DTT48	41	TT GDTX Tỉnh Sơn La
VB2 Chăn nuôi thú y		**2**	
1	SLC-BCNTY48	2	Cao đẳng Nông Lâm Sơn La
Khóa 49, tuyển sinh năm 2018 (857 sinh viên)			
Nông lâm kết hợp		**324**	
1	LC-DNLKH49BH	57	Phân Hiệu ĐHTN tại Lào Cai
2	LC-DNLKH49SMC	49	Phân Hiệu ĐHTN tại Lào Cai
3	DBA-DNLKH49TG	35	TT Giáo dục TX tỉnh Điện Biên
4	YBC-DNLKH49MCC	76	Trường Cao đẳng nghề Yên Bái
5	LChA-DNLKH49	36	TT GDTX – HN tỉnh Lai Châu
6	DBA-DNLKH49	26	TT Giáo dục TX tỉnh Điện Biên
7	NL-DNLKH49N01	45	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Thú y		**1**	
1	NBD-DTY49	1	
Liên thông Lâm nghiệp		**131**	
1	CBB-TLN49	40	Trung cấp KT - KT Cao Bằng
2	NL-CLN49N01	7	Trường ĐHNL Thái Nguyên
3	QTB-CLN49	2	Trung cấp NN&PTNT Quảng Trị
4	CBB-CLN49	5	Trung cấp Kinh tế KT Cao Bằng
5	QBC-TLN49N01	16	Cao đẳng KT CNN Quảng Bình
6	QTB-TLN49	14	Trung cấp NN&PTNT Quảng Trị
7	QBC-TLN49N02	33	Cao đẳng KT CNN Quảng Bình
8	NL-TLN49N01	14	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Liên thông Thú y		**55**	
1	DBC-CTY49	8	Cao đẳng KT – KT Điện Biên
2	NL-TTY49N01	13	Trường ĐHNL Thái Nguyên
3	DBC-TTY49	34	Cao đẳng KT – KT Điện Biên
Liên thông Chăn nuôi Thú y		**69**	
1	NL-CCNTY49N01	8	Trường ĐHNL Thái Nguyên
2	NL-TCNTY49N02	17	Trường ĐHNL Thái Nguyên
3	QTB-TCNTY49N01	20	Trung cấp NN&PTNT Quảng Trị
4	QTB-CCNTY49N01	15	Trung cấp NN&PTNT Quảng Trị
5	NL-TCNTY49N01	3	Trường ĐHNL Thái Nguyên
6	QTB-TCNTY49N02	6	Trung cấp NN&PTNT Quảng Trị
Kinh tế nông nghiệp		**50**	
1	NBD-DKTNN49	42	Đại học Hoa Lư Ninh Bình
2	NL-DKTNN49N01	8	Trường ĐHNL Thái Nguyên
VB2 Lâm nghiệp		**15**	

1	NL-BLN49N01	10	Trường ĐHNL Thái Nguyên
2	NL-BLN49N02	3	Trường ĐHNL Thái Nguyên
3	QTB-BLN49	2	Trung cấp NN&PTNT Quảng Trị
VB2 Trồng Trọt		**2**	
1	NL-BTT49N01	2	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Liên thông Trồng trọt		**55**	
1	LChC-TTT49	46	Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu
2	LChC-CTT49	9	Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu
Trồng trọt		**76**	
1	LChA-DTT49	61	
2	LChC-DTT49	15	Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu
VB2 Chăn nuôi thú y		**7**	
1	NL-BCNTY49N01QT	4	Trường ĐHNL Thái Nguyên
2	NL-BCNTY49N02VP	3	Trường ĐHNL Thái Nguyên
VB2 Thú y		**1**	
1	NL-BTY49N01TQ	1	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Quản lý đất đai		**11**	
1	NBD-DQLDD49	11	Trường Đại học Hoa Lư Ninh Bình
VB2 Kinh tế nông nghiệp		**24**	
1	NL-BKTNN49N01	24	Trường ĐHNL Thái Nguyên
VB2 Quản lý đất đai		**6**	
1	NL-BQLDD49N01	6	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Liên thông Kinh tế nông nghiệp		**28**	
1	YBC-TKTNN49	27	Cao đẳng Nghề Yên Bái
2	YBC-CKTNN49	1	Cao đẳng Nghề Yên Bái
Chăn nuôi thú y		**2**	
1	NL-DCNTY49N02	2	Trường ĐHNL Thái Nguyên
Khóa 50, tuyển sinh đến tháng 3 năm 2018 (159 sinh viên)			
Kinh tế nông nghiệp		**32**	
1	YBA-DKTNN50	10	Cao đẳng Nghề Yên Bái
2	LCD-DKTNN50	22	TT dạy nghề và GDTX Văn Bàn LC
Trồng trọt		**27**	
1	LChA-DTT50N01	27	TT GDTX – HN Lai Châu
Liên thông Kinh tế nông nghiệp		**66**	
1	YBA-CKTNN50	9	Trung tâm GDTX tỉnh Yên Bái
2	YBA-TKTNN50	36	Trung tâm GDTX tỉnh Yên Bái
3	LCD-CKTNN50	1	TT dạy nghề và GDTX Văn Bàn LC
4	LCD-TKTNN50	20	TT dạy nghề và GDTX Văn Bàn LC
Liên thông Trồng trọt		**34**	
1	NL-CTT50N01	5	Trường ĐHNL Thái Nguyên
2	NL-TTT50N01	29	Trường ĐHNL Thái Nguyên

3.2. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp năm học 2018 - 2019

Tổng 18 lớp với 411 sinh viên, cụ thể:

STT	Tên lớp	Số SV	Thời gian TTTN	Thời gian CNTT
I.	**Học kỳ 1**	**169**		
1	NL-CTY48N01	5	9-12/2018	02/2019
2	QTB-CCNTY49	2	9-12/2018	02/2019
3	NL-BCNTY49	2	9-12/2018	02/2019
4	CBB-DNLKH46	52	9-12/2018	02/2019
5	HGA-DNLKH46 + HGA-DNLKH47	91	9-12/2018	02/2019
6	HNE-DLN46	17	9-12/2018	02/2019
II.	**Học kỳ 2**	**242**		
1	NL-TCNTY48N01	12	4-7/2019	9/2019
2	SLC-TCNTY48	16	4-7/2019	9/2019
3	NL-CCNTY49	8	4-7/2019	9/2019
4	CBB-DNLKH47	25	4-7/2019	9/2019
5	LChA-DNLKH47	44	4-7/2019	9/2019
6	THC-DNLKH47	33	4-7/2019	9/2019
7	TSB-TLN48	20	4-7/2019	9/2019
8	SLC-TLN48	27	4-7/2019	9/2019
9	CBB-CLN49	5	4-7/2019	9/2019
10	LChC-BTT49	2	4-7/2019	9/2019
11	LChC-CTT49	9	4-7/2019	9/2019
12	CBB-TQLDD48	41	4-7/2019	9/2019

3.3. Kế hoạch tuyển sinh mới năm học 2018 - 2019

Tổng số tuyển mới theo kế hoạch tuyển sinh năm học 2018 -2019 là Khóa 50 với 500 sinh viên.

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT NĂM HỌC 2018-2019 - VLVH

I. KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y

1. Lớp: HNB-DTY47N01

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3
2	Công nghệ sinh sản	2	Kiểm nghiệm thú sản	3
3	Bệnh truyền nhiễm thú y	3	Sản khoa thú y	3
4	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2
5	Ngoại khoa thú y	3	Bệnh ở động vật thủy sản	2
6	Bệnh nội khoa thú y	3	Chăn nuôi chuyên khoa	3
7	XD KH phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm	2		
	Tổng cộng	**17**	**Tổng cộng**	**16**

2. Lớp: LC-DCNTY48

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Di truyền động vật	2	Chẩn đoán bệnh thú y	2
2	Vi sinh vật đại cương	2	Bệnh truyền nhiễm thú y	3
3	Giải phẫu động vật	3	KST và bệnh ký sinh trùng thú y	3
4	Tổ chức và phôi thai học	2	Dược lý học thú y	2
5	Sinh lý động vật	3	Động vật học	2
6	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	Chọn và nhân giống vật nuôi	3
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**15**

3. Lớp: NL-CTY48N01 + NL-TTY48N01 + NL-DTY48N01 (Sơn Dương TQ)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Chăn nuôi chuyên khoa	4	Thực tập tốt nghiệp	10
2	Bệnh dinh dưỡng	2		
3	Dược lý học	3		
4	XD KH phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm	4		
5	Một sức khỏe	2		
6	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp	1		
	Tổng cộng	**16**	**Tổng cộng**	**10**

4. Lớp: NL-CCNTY48N01 + NL-TCNTY48N01 (Vĩnh Phúc)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Di truyền động vật	2	Thực tập tốt nghiệp	10
2	Tổ chức và phôi thai học	2		
3	Vi sinh vật đại cương	2		
4	Dược lý học thú y 1	2		
5	Chẩn đoán bệnh thú y	2		
6	Vệ sinh chăn nuôi	2		
7	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2		
8	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2		
	Tổng cộng	16	Tổng cộng	10

5. Lớp: NL-CTY48N01 + NL-TTY48N01 (Hà Tây)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	XD KH phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm	4	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3
2	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp	1	Dược lý học	3
3	Dịch tễ học thú y	2	Miễn dịch học thú y	2
4	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	Vi sinh vật thú y	2
5	Ngoại khoa thú y	3	Bệnh lý học thú y	3
6	Giải phẫu động vật	3	Quyền lợi động vật	2
			Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	16	Tổng cộng	TC 15 CĐ 10

6. Lớp: SLC-TCNTY48

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	Vệ sinh chăn nuôi	2
2	Chẩn đoán bệnh thú y	2	Đồng cỏ và cây thức ăn	2
3	Bệnh nội khoa thú y	2	Thực tập tốt nghiệp	10
4	Kiểm nghiệm thú sản	2		
5	Chăn nuôi cá nước ngọt	2		
	Tổng cộng	11	Tổng cộng	14

7. Lớp: DBC-CTY49 + DBC-TTY49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	4	Dược liệu	2
2	Bệnh ở chó mèo	2	Bệnh ở động vật thủy sản	2

3	Chăn nuôi chuyên khoa	4	Bệnh dinh dưỡng	2
4	Kỹ năng quản lý và kinh doanh thuốc thú y	2	Quyền lợi động vật	2
5	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	TTNN 2: Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm	4
6	.Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
			Vệ sinh an toàn thực phẩm	2
	Tổng cộng	**16**	**Tổng cộng**	**16**

8. NL-TTY49 + NL-DTY49 (Ninh Bình)

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Bệnh dinh dưỡng	2	Bệnh ở động vật thủy sản	2
2	Dịch tễ học thú y	2	Lập KH xử lý ổ dịch	2
3	Bệnh lý học thú y	3	Quyền lợi động vật	2
4	Chăn nuôi chuyên khoa	4	Vệ sinh ATTP	2
5	Bào chế, KN thuốc TY	2	Một sức khỏe	2
6	CN SX và SD văcxin	2	PP thí nghiệm (CNTY)	2
7	Dược liệu	2	Lập kế hoạch tiêm phòng	3
	Tổng cộng	**17**	**Tổng cộng**	**15**

9. NL-TCNTY49 + NL-CCNTY49 (Hòa Bình)

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Sinh thái môi trường	2	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2
2	KST và bệnh ký sinh trùng thú y	3	Đồng cỏ và cây thức ăn	2
3	Ngoại - Sản thú y	3	TTNN 3: Kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp	1
4	Chăn nuôi cá nước ngọt	2	Hoá sinh đại cương	2
5	Phương pháp thí nghiệm (CNTY)	2	Giải phẫu động vật	3
6	XD KH sản xuất chăn nuôi trang trại	2	Thực tập tốt nghiệp	0
7	XD KH phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm	1		
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**10**

10. QTB-TCNTY49 + QTB-CCNTY49 + NL-BCNTY49

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Hoá sinh đại cương	2	Tiếng Anh 3	4
2	Giải phẫu động vật	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Tổ chức và phôi thai học	2	Hóa phân tích	2

4	Sinh lý động vật	3	Xác suất- Thống kê	3
5	Chẩn đoán bệnh thú y	2	Phương pháp tiếp cận KH	2
6	Bệnh nội khoa thú y	2	Tiếng Việt thực hành	2
7	Dược lý học thú y 1	2	Sinh thái môi trường	2
8	Kiểm nghiệm thú sản	2	Di truyền động vật	2
9	XD KH phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm	1	Động vật học	2
10	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp	1	Vi sinh vật đại cương	2
			Chọn và nhân giống vật nuôi	3
	Tổng cộng	**VB2, TC,CĐ 20**	**Tổng cộng**	**TC,CĐ 17 VB2: 9**

II. KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Lớp: YBA-DKTNN47

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Marketing nông nghiệp	2	Nguyên lý thống kê	3
2	Thống kê nông nghiệp	2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3
3	XD và quản lý dự án	2	SP hàng hoá và thương hiệu	2
4	Khuyến nông	2	Thuế nhà nước	2
5	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	Quản trị doanh nghiệp	2		
	Tổng cộng	**12**	**Tổng cộng**	**12**

2. NBD-DKTNN49 + NL-BKTNN49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Kinh tế nông nghiệp	3	Chăn nuôi	2
2	PP nghiên cứu KTXH	2	Trồng trọt	2
3	Quy hoạch phát triển NT	2	PP Khuyến nông	2
4	Quản trị doanh nghiệp	2	Kinh tế hộ và trang trại	2
5	Luật kinh tế	2	Nguyên lý kế toán	2
6	Nguyên lý thống kê	2	Marketing nông nghiệp	2
7	Tài chính tín dụng NT	2	Thống kê nông nghiệp	3
8			Xây dựng và quản lý DA	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**17**

3. Lớp: LCD-DKTNN50 + LCD-TKTNN50 + LCD-CKTNN50 (Văn Bàn Lào Cai)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Tiếng Anh 1	3	Tiếng Anh 2	3
2	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	Nguyên lý thống kê	2
3	Kinh tế vi mô I	2	Tiếng Anh 3	4
4	Kinh tế vĩ mô I	2	Marketing nông nghiệp	2
5	Thống kê nông nghiệp	3	Kinh tế hộ và trang trại	2
6	Kinh tế vi mô II	2	Xây dựng và quản lý dự án	2
7	Kinh tế vĩ mô II	2	Kỹ năng lập KH phát triển KT - XH cấp xã	2
8	PP Nghiên cứu KT- XH	2		
	Tổng cộng	**18**	**Tổng cộng**	**17**

4. YBA-DKTNN50 + YBA-TKTNN50 + YBA-CKTNN50 (Luc Yên Yên Bái)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Tiếng Anh 1	3	Nguyên lý thống kê	2
2	Xác suất- Thống kê	3	Tiếng Anh 3	4
3	Hóa phân tích	2	Marketing nông nghiệp	2
4	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	Kinh tế hộ và trang trại	2
5	Thống kê nông nghiệp	3	Quản trị doanh nghiệp	2
6	Kinh tế vi mô II	2	Kỹ năng lập kế hoạch phát triển KT - XH cấp xã	2
7	Kinh tế vĩ mô II	2	Tài chính tín dụng nông thôn	2
8	PP Nghiên cứu KT- XH	2		
	Tổng cộng	**19**	**Tổng cộng**	**16**

5. YBC-DKTNN50 + YBC-TKTNN50 + YBC-CKTNN50 (Trấn Yên Yên Bái)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Tiếng Anh 1	3	Tiếng Anh 2	3
2	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	Nguyên lý thống kê	2
3	Kinh tế vi mô I	2	Tiếng Anh 3	4
4	Kinh tế vĩ mô I	2	Marketing nông nghiệp	2
5	Thống kê nông nghiệp	3	Kinh tế hộ và trang trại	2
6	Kinh tế vi mô II	2	Quản trị doanh nghiệp	2
7	Kinh tế vĩ mô II	2	Kỹ năng lập KH phát triển KT - XH cấp xã	2
8	PP Nghiên cứu KT- XH	2		
	Tổng cộng	**18**	**Tổng cộng**	**17**

III. KHOA LÂM NGHIỆP

1. CBB-DNLKH46

Học kỳ 1		
TT	**Môn học**	**Số TC**
1	Phân tích đánh giá chính sách trong QL tài nguyên thiên nhiên	2
2	Kỹ năng viết đề cương và KLTN	1
3	Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	**13**

2. HGA-DNLKH46 + HGA-DNLKH47

Học kỳ 1		
TT	**Môn học**	**Số TC**
1	Phân tích đánh giá chính sách trong QL tài nguyên thiên nhiên	2
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Kỹ năng viết đề cương và KLTN	1
4	Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	**15**

3. HNE-DLN46

Học kỳ 1		
TT	**Môn học**	**Số TC**
1	Khoa học gỗ	2
2	Luật và chính sách lâm nghiệp	2
3	Kỹ năng viết đề cương và KLTN	1
4	Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	**15**

4. CBB-DNLKH47

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Nguyên lý nông lâm kết hợp	2	Trồng trọt chuyên khoa	2
2	Nông lâm kết hợp cảnh quan	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Quản trị doanh nghiệp	2	Kỹ năng viết đề cương và KLTN	1
4	Bảo quản và chế biến nông lâm sản	2	Thực tập tốt nghiệp	10
5	Chăn nuôi	2		
6	Phân tích đánh giá chính sách trong QL tài nguyên thiên nhiên	2		

7	Phân bón	2		
8	Quy hoạch lâm nghiệp	2		
	Tổng cộng	**16**	**Tổng cộng**	**15**

5. LChA-DNLKH47

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Nông lâm kết hợp cảnh quan	2	Trồng trọt chuyên khoa	2
2	Quản trị doanh nghiệp	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Kế hoạch sử dụng đất nông lâm nghiệp	2	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp	1
4	Bảo quản và chế biến nông lâm sản	2	Thực tập và thi tốt nghiệp	10
5	Chăn nuôi	2		
6	Phân tích đánh giá chính sách trong QL tài nguyên thiên nhiên	2		
7	Phân bón	2		
8	Quy hoạch lâm nghiệp	2		
	Tổng cộng	**16**	**Tổng cộng**	**15**

6. THC-DNLKH47

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Nguyên lý nông lâm kết hợp	2	Trồng trọt chuyên khoa	2
2	Quản trị doanh nghiệp	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Kế hoạch sử dụng đất nông lâm nghiệp	2	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận tốt nghiệp	1
4	Bảo quản và chế biến nông lâm sản	2	Thực tập và thi tốt nghiệp	10
5	Chăn nuôi	2		
6	Du lịch sinh thái	2		
7	Phân bón	2		
8	Quy hoạch lâm nghiệp	2		
	Tổng cộng	**16**	**Tổng cộng**	**15**

7. TSB-TLN48

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Động vật rừng	2	Quản trị doanh nghiệp	2
2	Kỹ thuật lâm sinh	3	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận TN	1
3	Trồng rừng	2	TT tốt nghiệp, thi TN	10
4	Đa dạng sinh học	2		
5	QL các loại rừng và lửa rừng	2		

6	Khoa học gỗ	2		
	Tổng cộng	**13**	**Tổng cộng**	**13**

8. SLC-TLN48 + NL-BLN49 + NL-TLN49 + NL-CLN49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Quy hoạch lâm nghiệp	2	Nông lâm kết hợp đại cương	2
2	Ứng dụng CNTT trong QL tài nguyên rừng	2	Quản lý các loại rừng và lửa rừng	2
3	Điều tra rừng	2	Dịch vụ môi trường rừng	2
4	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2	Quản lý xung đột trong bảo tồn	2
5	Sinh lý thực vật	2	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận TN	1
6	Động vật rừng	2	Thực tập tốt nghiệp	10
7	Khuyến nông - Khuyến lâm	2		
8	Bệnh cây lâm nghiệp	2		
9	Côn trùng lâm nghiệp	2		
10	Lâm nghiệp xã hội đại cương	2		
	Tổng cộng	**20**	**Tổng cộng**	**19**

9. CBB-TLN49 + CBB-CLN49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Quy hoạch lâm nghiệp	2	Dịch vụ môi trường rừng	2
2	Sản lượng rừng	2	Khoa học gỗ	2
3	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2	Quản lý xung đột trong bảo tồn	2
4	Ứng dụng CNTT trong QL tài nguyên rừng	2	Kỹ năng viết đề cương và khóa luận TN	1
5	Phân tích chính sách trong QLTNTN	2	Đo đạc	2
6	Bệnh cây lâm nghiệp	2	Hóa sinh thực vật	2
7	Lâm nghiệp xã hội đại cương	2	Sinh lý thực vật	2
8			Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	**14**	**Tổng cộng**	**23**

10. DBA-DNLKH49TG (Tuần Giáo Điện Biên)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Thực vật học	2	Sinh thái rừng	2
2	Cây rừng	2	Thổ nhưỡng	2
3	Đo đạc	2	Bệnh cây lâm nghiệp	2
4	Giống cây lâm nghiệp	2	Côn trùng lâm nghiệp	2
5	Khí tượng nông nghiệp	2	Điều tra rừng	2

6	Sinh lý thực vật	2	Kỹ thuật lâm sinh	3
7	Sinh thái môi trường	2	Lâm sản ngoài gỗ	2
	Tổng cộng	**14**	**Tổng cộng**	**15**

11. DBA-DNLKH49 (Sin Hồ Điện Biên)

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Hóa phân tích	2	Hóa sinh thực vật	2
2	Nguyên lý 2 (KTCT và CNXHKH)	3	Nhà nước và pháp luật	2
3	Sinh học phân tử	2	Phương pháp thí nghiệm trong LN	2
4	Tiếng Anh 2	3	Phương pháp tiếp cận khoa học	2
5	Vật lý	2	Tiếng Anh 3	4
6	Xác suất- Thống kê	3	Tin học đại cương	3
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**15**

12. NL-DNLKH49N01 (CĐ KT Hà Giang)

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Hóa sinh thực vật	2	Thực vật học	2
2	Nhà nước và pháp luật	2	Cây rừng	2
3	Phương pháp thí nghiệm trong LN	2	Đo đạc	2
4	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Giống cây lâm nghiệp	2
5	Tiếng Anh 3	4	Khí tượng nông nghiệp	2
6	Tin học đại cương	3	Sinh lý thực vật	2
7			Sinh thái môi trường	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**14**

13. LC-DNLKH49BH (Bắc Hà Lào Cai)

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Cây rừng	2	Sinh thái rừng	2
2	Đo đạc	2	Thổ nhưỡng	2
3	Giống cây lâm nghiệp	2	Bệnh cây đại cương	2
4	Khí tượng nông nghiệp	2	Côn trùng đại cương	2
5	Sinh lý thực vật	2	Điều tra rừng	2
6	Sinh thái môi trường	2	Kỹ thuật lâm sinh	3
7	Tiếng Anh 4	3	Lâm sản ngoài gỗ	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**15**

14. LC-DNLKH49XMC (Xi Ma Cai Lào Cai)

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Cây rừng	2	Sinh thái rừng	2
2	Đo đạc	2	Thổ nhưỡng	2
3	Giống cây lâm nghiệp	2	Bệnh cây đại cương	2
4	Khí tượng nông nghiệp	2	Côn trùng đại cương	2
5	Sinh lý thực vật	2	Điều tra rừng	2
6	Sinh thái môi trường	2	Kỹ thuật lâm sinh	3
7	Tiếng Anh 4	3	Lâm sản ngoài gỗ	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**15**

15. LChA-DNLKH49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Hóa sinh thực vật	2	Cây rừng	2
2	Phương pháp thí nghiệm trong LN	2	Đo đạc	2
3	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Giống cây lâm nghiệp	2
4	Thực vật học	2	Khí tượng nông nghiệp	2
5	Tiếng Anh 3	4	Sinh lý thực vật	2
6	Tin học đại cương	3	Sinh thái môi trường	2
			Sinh thái rừng	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**14**

16. QBC-TLN49N01 +QBC-TLN48

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Sinh thái môi trường	2	Quy hoạch lâm nghiệp	2
2	Giống cây lâm nghiệp	2	Sản lượng rừng	2
3	Hóa sinh thực vật	2	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2
4	Sinh lý thực vật	2	Ứng dụng CNTT trong QL tài nguyên rừng	2
5	Phương pháp thí nghiệm trong lâm nghiệp	2	Phân tích chính sách trong QLTNTN	2
6	Động vật rừng	2	Bệnh cây lâm nghiệp	2
7	Trồng rừng	2	Côn trùng lâm nghiệp	2
	Tổng cộng	**14**	**Tổng cộng**	**14**

17. QBC-TLN49N02

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Sinh lý thực vật	2	Sản lượng rừng	2
2	Thổ nhưỡng	2	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2

3	Phương pháp thí nghiệm trong lâm nghiệp	2	Ứng dụng CNTT trong QL tài nguyên rừng	2
4	Điều tra rừng	2	Phân tích chính sách trong QLTNTN	2
5	Động vật rừng	2	Bệnh cây lâm nghiệp	2
6	Khai thác lâm sản	2	Côn trùng lâm nghiệp	2
7	Quy hoạch lâm nghiệp	2	Lâm nghiệp xã hội đại cương	2
	Tổng cộng	**14**	**Tổng cộng**	**14**

18. QTB-TLN49 + QTB-CLN49 + QTB-BLN49

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Sản lượng rừng	2	Đo đạc	2
2	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2	Hóa sinh thực vật	2
3	Ứng dụng CNTT trong QL tài nguyên rừng	2	Sinh lý thực vật	2
4	Phân tích chính sách trong QLTNTN	2	Thổ nhưỡng	2
5	Bệnh cây lâm nghiệp	2	Động vật rừng	2
6	Lâm nghiệp xã hội đại cương	2	Côn trùng lâm nghiệp	2
7	Dịch vụ môi trường rừng	2	Nông lâm kết hợp đại cương	2
8			Quản lý các loại rừng và lửa rừng	2
9			Luật và chính sách lâm nghiệp	2
10			Đa dạng sinh học	2
	Tổng cộng	**14**	**Tổng cộng**	**20**

19. YBC-DNLKH49MCC

Học kỳ 1			**Học kỳ 2**	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Tin học đại cương	3	Sinh thái rừng	2
2	Cây rừng	2	Thổ nhưỡng	2
3	Đo đạc	2	Bệnh cây đại cương	2
4	Giống cây lâm nghiệp	2	Côn trùng đại cương	2
5	Khí tượng nông nghiệp	2	Điều tra rừng	2
6	Sinh lý thực vật	2	Kỹ thuật lâm sinh	3
7	Sinh thái môi trường	2	Lâm sản ngoài gỗ	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**15**

IV. KHOA NÔNG HỌC

1. CBB-TTT48 + CBB-CTT48

Học kỳ 1		
TT	**Môn học**	**Số TC**
1	Cây rau	3
2	Cây chè	2
3	Sản xuất cây trồng công nghệ cao	2
4	Bảo quản và chế biến nông sản	2
5	Cây cao su, cà phê	2
6	Hóa sinh thực vật	2
7	Hệ thống nông nghiệp	2
8	Khí tượng nông nghiệp	2
	Tổng cộng	**17**

2. DBC-TTT48

Học kỳ 1		
TT	**Môn học**	**Số TC**
1	Sản xuất cây trồng công nghệ cao	2
2	Bảo quản và chế biến nông sản	2
3	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn	3
4	Hệ thống nông nghiệp	2
5	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	2
6	Khí tượng nông nghiệp	2
	Tổng cộng	**13**

3. LCC-TTT48

Học kỳ 1		
TT	**Môn học**	**Số TC**
1	Cây rau	3
2	Sản xuất cây trồng công nghệ cao	2
3	Bảo quản và chế biến nông sản	2
4	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn	3
5	Hệ thống nông nghiệp	2
6	Thương hiệu và thị trường sản phẩm	2
7	Khí tượng nông nghiệp	2
	Tổng cộng	**16**

4. SLA-DTT48VH

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Khí tượng nông nghiệp	2	Phương pháp TN đồng ruộng	2
2	Sinh thái môi trường	2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3
3	Bệnh cây đại cương	2	Cây công nghiệp ngắn ngày	2
4	Côn trùng đại cương	2	Cây ăn quả	3
5	Hóa bảo vệ thực vật	2	Cây rau	3
6	Cây lương thực	3	Cây có củ	2
7	Cây chè	2		
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**15**

5. LChA-DTT49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Hóa sinh thực vật	2	Chọn tạo giống cây trồng	3
2	Phân loại thực vật	2	Dinh dưỡng cây trồng	2
3	Tiếng Anh 3	4	Khí tượng nông nghiệp	2
4	Tin học đại cương	3	Sinh thái môi trường	2
5	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	Vi sinh vật đại cương	2
6	Thổ Nhưỡng	2	Sinh lý thực vật	3
7			Bệnh cây đại cương	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**16**

6. LChC-DTT49 + LChC-BTT49 + LChC-TTT49 + LChC-CTT49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	**Môn học**	**Số TC**	**Môn học**	**Số TC**
1	Hệ thống nông nghiệp	2	Tiếng Anh 3	4
2	Cây ăn quả	3	Phương pháp tiếp cận khoa học	2
3	Cây rau	3	Sinh thái môi trường	2
4	Bảo quản và chế biến nông sản	2	Cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, đậu tương, mía)	2
5	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn	3	Đào tạo kỹ năng tập huấn	2
6	Di truyền thực vật	2	Xây dựng đề cương nghiên cứu và viết khóa luận TN	1
7	Thổ nhưỡng	2	Thực tập tốt nghiệp	10
8	Cây có củ	2		
	Tổng cộng	**19**	**Tổng cộng**	**23**

7. LChC-CTT49

Học kỳ 1		
TT	Môn học	Số TC
1	Tiếng Việt thực hành	2
2	Hóa phân tích	2
3	Xác suất- Thống kê	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	Tổng cộng	**9**

8. LChA-DTT50 + NL-TTT50 + NL-CTT50

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Sinh học đại cương	2	Di truyền thực vật	2
2	Hóa học	2	Thổ Nhưỡng	2
3	Toán cao cấp 1	2	Côn trùng đại cương	2
4	Hóa phân tích	2	Tiếng Anh 3	4
5	Xác suất- Thống kê	3	Cây hoa	2
6	Sinh lý thực vật	3	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	2
7	Bệnh cây đại cương	2	Dinh dưỡng cây trồng	2
8	Hóa bảo vệ thực vật	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
9	Cây chè	2	Sản xuất cây trồng công nghệ cao	2
	Tổng cộng	**20**	**Tổng cộng**	**20**

V. KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN

1. NL-DQLDD47N01 + BQLDD49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Quy hoạch sử dụng đất	3	Quy hoạch phát triển nông thôn	2
2	Đăng ký, thống kê đất đai	2	Thị trường bất động sản	2
3	Giao đất, thu hồi đất	2	Đánh giá tác động môi trường	2
4	Hệ thống thông tin đất (LIS)	2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản VN	3
5	Phương pháp nghiên cứu thống kê tài nguyên	2	Hệ thống nông nghiệp	2
6	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	2	Kinh tế đất	2
7	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	2	Thanh tra đất đai	2
	Tổng cộng	**15**	**Tổng cộng**	**15**

2. YBA-DQLDD47

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Thị trường bất động sản	2	Quy hoạch sử dụng đất	3
2	Đánh giá tác động môi trường	2	Quy hoạch phát triển nông thôn	2
3	Hệ thống nông nghiệp	2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3
4	Kinh tế đất	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Thanh tra đất đai	2	Xây dựng và quản lý dự án	2
6	Kỹ năng sử dụng CSDL ĐC	2		
	Tổng cộng	12	Tổng cộng	12

3. CBB-TQLDD48

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	QL tài nguyên nước và KS	2	Thị trường bất động sản	2
2	Giao đất, thu hồi đất	2	QH đất đô thị và khu dân cư nông thôn	2
3	Đánh giá tác động môi trường	2	Thực tập tốt nghiệp	10
4	Khoa học phong thuỷ	2		
5	Xây dựng và quản lý dự án	2		
6	Hệ thống thông tin đất (LIS)	2		
	Tổng cộng	12	Tổng cộng	14

4. DBC-TQLDD48

Học kỳ 1		
TT	Môn học	Số TC
1	Tin học ứng dụng trong ql đất đai	2
2	Đánh giá tác động môi trường	2
3	Quy hoạch phát triển nông thôn	2
4	Xây dựng và quản lý dự án	2
5	Hệ thống thông tin đất (LIS)	2
6	Thị trường bất động sản	2
7	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	2
	Tổng cộng	14

5. NBD-DQLDD49 + NL-BQLDD49

Học kỳ 1			Học kỳ 2	
TT	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
1	Thổ Nhưỡng	2	PP NC thống kê TNMT	2
2	Đánh giá đất	3	Hệ thống nông nghiệp	2
3	Bản đồ học	2	Pháp luật đất đai	2
4	Trắc địa I	3	QL tài nguyên nước và KS	2

5	Hệ thống TT địa lý (GIS)	2	Quản lý hành chính về ĐĐ	2
6	QH tổng thể KT-XH	2	Đăng ký, thống kê đất đai	2
7	Trắc địa II	2	Tin học UD trong QLĐĐ	2
8			Kinh tế đất	2
	Tổng cộng	**16**	**Tổng cộng**	**16**

6. NL-TQLDD48N03 (CĐ Kỹ thuật Hà Giang)

Học kỳ 1		
TT	**Môn học**	**Số TC**
1	Bản đồ học	2
2	Trắc địa I	3
3	Trắc địa II	2
4	Quy hoạch phát triển nông thôn	2
5	Xây dựng và quản lý dự án	2
6	Hệ thống thông tin đất (LIS)	2
7	Thị trường bất động sản	2
8	Quy hoạch đất đô thị và khu dân cư nông thôn	2
	Tổng cộng	**17**